

ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CHỈ CỐ NGHĨA LÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỦA TỜ CHỨC PHÁT HÀNH ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, THU TÚC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HẠM Y BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CẠO BÁCH, KHÔNG HẠM Y VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM HAY ĐƯỢC THANH TOÁN ĐẦY ĐỦ CÙNG NHƯ MỨC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA TỜ CHỨC PHÁT HÀNH.

NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ NÊN ĐỌC KỸ VÀ HIỂU CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH Ở BẢN CẠO BÁCH, ĐẶC BIỆT LÀ PHẦN CẢNH BÁO RỦI RO Ở TRANG 05 TRONG BẢN CẠO BÁCH NÀY VÀ CHU Y ĐẾN CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ, THUẾ KHI GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CỐ ĐẢM BẢO.

GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CỐ THE THAY ĐỔI TỰ VAY VÀO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, NHÀ ĐẦU TƯ CỐ THE CHỊU THIẾT HẠI VỀ SỐ VỐN ĐẦU TƯ VÀ CỐ THE MẤT TOÀN BỘ VỐN ĐẦU TƯ.

CÁC THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỜ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CÁC CHỨNG QUYỀN PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY (NẾU CÓ) CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO VÀ KHÔNG CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐẦU TƯ SẼ SINH LỢI CHO NHÀ ĐẦU TƯ.



BẢN CẠO BÁCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BẠN VIỆT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 52/GPBC-UBCK ngày 12/07/2021)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỐ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 196/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2022.)

BẢN CẠO BÁCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TÀI:

TỜ CHỨC CHÀO BÁN



TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
 Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 4531
 Website: www.vpsc.com.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: +84 (0)24 6262 6999 Fax: +84 (0)24 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Đình Quang Hoàn
 Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
 Số điện thoại: +84 (0)28 3914 3588
 Fax: +84 (0)28 3914 4531

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2022



FPT



NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUY TÀI SẢN ĐẢM BẢO THANH TOÁN
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
 – CN NAM KỶ KHÔI NGHĨA
 Địa chỉ: 66 Phố Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: +84 (0) 28 3821 8812



CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIETNAM
 Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

TỜ CHỨC KIỂM TOÁN

Tổng giá trị chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Tỷ lệ chuyển đổi:	6: 1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Ngày đảo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Thời hạn:	06 tháng
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng Việt Nam
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Tờ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần FPT
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần FPT (FPT)
Tên chứng quyền:	Chứng quyền FPT/VCSC/M/AU/T/A5

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỐ BẢO ĐẢM

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hai Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 4531 Website: www.vcsc.com.vn



(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 12/07/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BẠN VIỆT

VII. QUAN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	63
1. Thông tin chung về chứng quyền	54
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở	56
3. Thời gian phân phối chứng quyền	57
4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền	57
5. Thực hiện chứng quyền	58
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền	60
7. Điều chỉnh chứng quyền	60
8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền	61
9. Hoạt động tạo lập thị trường	62
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	54
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	19
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành	38
3. Tình hình tài chính	48
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	19
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	17
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	17
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm	18
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	17
III. CÁC KHAI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIỆT TẬT	12
1. Tổ chức phát hành	11
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN CÀO BẠCH	11
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền	5
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	6
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	7
4. Rủi ro về kinh tế	7
5. Rủi ro về pháp luật	9
6. Rủi ro về thị trường và thị trường người giao dịch	10
7. Rủi ro khác	10
I. CÁC NHẬN TÒ RỦI RO	5
NỘI DUNG BÀN CÀO BẠCH	5

MỤC LỤC

XII. PHỤ LỤC.....	81
XI. CAM KẾT	80
X. CÁC CHƯƠNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH.....	75
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	74
2. Tổ chức kiểm toán	73
1. Ngân hàng nhân kỳ quỹ tài sản bảo đảm thanh toán.....	72
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐÓT CHÀO BÁN.....	72
2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến.....	69
1. Quy trình quản trị rủi ro	63

Người sở hữu CV nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này, và có thể ảnh hưởng đến giá CV. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới CV mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan tới giao dịch hoặc thực hiện quyền của CV. TCPH cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cần trọng. Nếu các bên liên

1.4 Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành

theo quy định pháp luật liên quan.

Thực hiện chương quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chương quyền được thực hiện trong hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong khi về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, trong quá trình phát hành chương quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khác

1.3 Rủi ro thanh toán

Trong trường hợp TCFH giải thể, phá sản, hoặc TCFH không đáp ứng được các tiêu chuẩn của sở giao dịch, CV sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro CV bị hủy trước ngày đáo hạn.

1.2 Rủi ro CV bị hủy niêm yết liên quan tới vấn đề thanh khoản hoặc giải thể

TCFH luôn có thể mua lại CV trên thị trường và các CV này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. TCFH có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chương khoản cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá CV.

1.1 Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chương quyền

tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

Sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có CKCS hoặc các tổ chức liên quan khác không nên hiệu suất phát hành CV như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới CKCS. Ngoài ra, người quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chương khoản cơ sở. Người sở hữu (NSH) CV không chương khoản cơ sở (CKCS): Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành (TCFH) khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây. Với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư Chương quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp đầu tư vào sản phẩm chương quyền có bảo đảm này.

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chương quyền có bảo đảm (CV), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chương quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chương quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chương khoản hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thực

I. CÁC NHẬN TỐ RỦI RO

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Đầu tư vào CW chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của CW khi có thể nhân được toàn bộ sự thay đổi giá của CKCS trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của CKCS. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của CW trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của CKCS, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào CKCS.

2.4 Rủi ro từ tính đòn bẩy

Rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của CW. Sự thay đổi giá của CW phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá CKCS, thời gian còn hiệu lực của CW, lãi suất, cổ tức của CKCS trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của CW còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về CW. Mặc dù TCFH thường phát hành khối lượng CW theo khối lượng đã đăng ký với UBCK NN, tuy nhiên, TCFH vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng CW thông qua Phưong thức phát hành bổ sung CW miễn là hạn mức phát hành CW đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCK NN. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của CW.

2.3 Rủi ro về giá

Do CW có thời gian đáo hạn nên giá của CW có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn của CW. Nếu nhà đầu tư nắm giữ CW đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của CW sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua CW. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào CW, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của CW.

2.2 Rủi ro do thời gian đáo hạn của CW

Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của CW và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. CW là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư về hiệu quả và các rủi ro về các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào CW không tương đương với một khoản đầu tư vào Tài sản cơ sở (TSCS). Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào CW liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của TSCS, sự thay đổi của CW đối với sự thay đổi giá TSCS có thể không tương đương. Đòn bẩy cao của CW có nghĩa rằng NSH sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào TSCS.

2.1 Rủi ro đầu tư chung

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

TCFH cam kết cố gắng hết sức để đảm bảo sự bảo mật của thông tin khách hàng, tuy nhiên TCFH không cam kết có thể cung cấp sự bảo mật hoàn toàn đối với các thông tin này.

1.6 Rủi ro bảo mật thông tin

TCFH tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu. TCFH không có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan tới các hoạt động giao dịch, tư vấn, thực hiện quyền, mâu thuẫn quyền lợi. TCFH luôn có thể phát hành và niêm yết các CW khác có khả năng ảnh hưởng đến giá CW.

1.5 Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi

quan đến các nghĩa vụ với TCFH không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới CW.

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là *i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất*. Phân tích môi trường vĩ mô nên kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

4. Rủi ro về kinh tế

Một số sự kiện pháp lý xảy ra và phát sinh bao gồm và không giới hạn, phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất CKCS hoặc sự kiện tài cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty, có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của Chương quyền. Tuy nhiên, chúng tôi ko có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Chương quyền cho mọi sự kiện liên quan tới CKCS. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh nào đều sẽ có tác động tới giá trị của chúng quyền. Việc điều chỉnh CW sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chúng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Khi nắm giữ chứng quyền qua ngày đáo hạn và thực hiện quyền thì thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư phải chịu sẽ cao hơn so với thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư đồng khi giao dịch bán chứng quyền trước ngày đáo hạn theo Công văn 1468/BTC-CST (xem chi tiết tại mục V.8).

2.9 Rủi ro về thuế

Nhà đầu tư sở hữu CW không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự ĐHĐCĐ, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

2.8 Không có quyền sở hữu tương tự cổ đông

Giá CW có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của Nhà đầu tư sở hữu CW, do đó CW không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho Nhà đầu tư sở hữu CW.

2.7 Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro

CW kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của CW có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

2.6 Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu

La rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán CW ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với CW đó. Thanh khoản của CW phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù TCFH cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường CW, TCFH không cam kết thị trường giao dịch của CW sẽ sôi động.

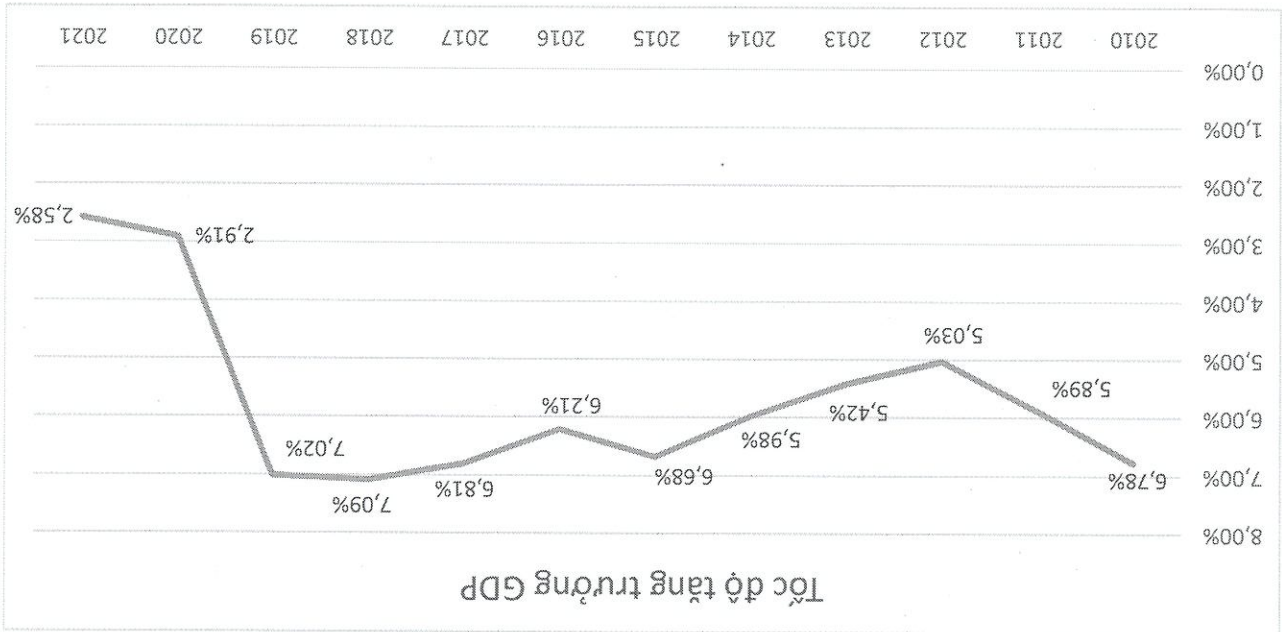
2.5 Rủi ro thanh khoản

Làm phát là yếu tố vì mô cơ thể tác động đến môi trường kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Làm phát tăng cao hoặc siêu làm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giá cả của các sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu làm phát quá thấp (1,8% năm 2014) kéo dài cũng thêm thâm hụt

4.2 Làm phát

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Tước những tác động của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra.

Nguồn: GSO



Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2010 – 2021

Năm 2021 tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả lĩnh vực kinh tế – xã hội.

Việt Nam đã quyết liệt thực hiện lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine phòng Covid-19, là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vắc xin cao trên thế giới. Do vậy kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi, các hoạt động đã được mở cửa lại. Đặc biệt, các doanh nghiệp đã có sự thích ứng đáng kể sau 2 năm sống chung với đại dịch, cộng thêm các gói kích thích kinh tế, nên năm 2022, tổng quan nền kinh tế được nhận định sẽ tốt hơn. Chính phủ cũng đã đưa ra nhiệm vụ năm 2022 phấn đấu tăng trưởng GDP đạt 6-6,5%.

4.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

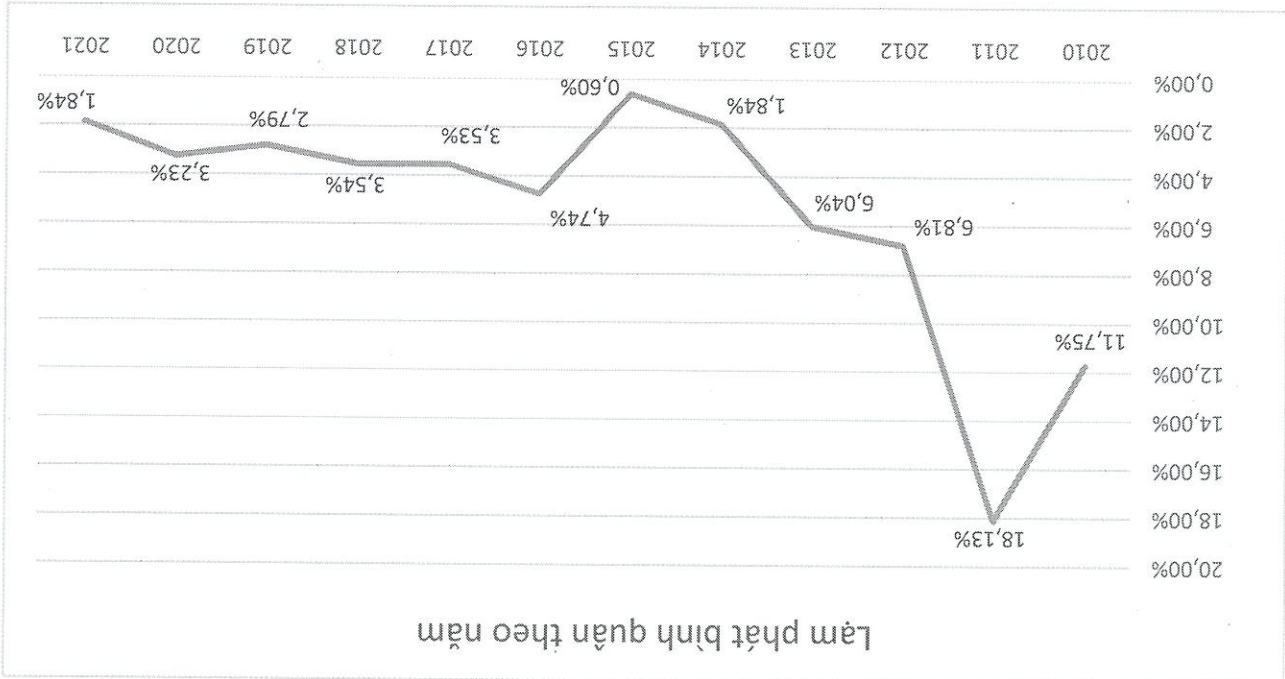
Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định pháp luật còn mơ hồ với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của

5. Rủi ro về pháp luật

Bên cạnh làm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

4.3 Lãi suất

Nguồn: GSO



Hình 2: CPI theo năm giai đoạn 2010 – 2021

ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phức tạp, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế. Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016.

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

7. Rủi ro khác

Trong trường hợp giao dịch có liên quan kết thúc sớm, sự gián đoạn hay tạm ngừng giao dịch ("Các sự kiện gián đoạn thị trường") hoặc thay đổi luật áp dụng, ngân nhà ruợi ro gián đoạn, tăng chi phí ngân nhà ruợi ro, sự phá sản của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc một sự kiện tiền tệ ("Sự kiện gián đoạn bỏ sung"), trì hoãn hoặc điều chỉnh định giá trong trường hợp xảy ra sự kiện gián đoạn thị trường hoặc điều chỉnh kỳ hạn (nếu có sự đồng ý với chủ sở hữu chứng quyền) hoặc chậm dứt chứng quyền trong trường hợp sự kiện gián đoạn bỏ sung đối với các chứng quyền đó có thể có ảnh hưởng bất lợi đến giá trị của chứng quyền đó và/hoặc số tiền mua lại cuối cùng.

6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch

Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cấp nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Pháp chế triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Công ty.

Không có

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại SGDCK.

1. Tổ chức phát hành

- Bà: Nguyễn Thanh Phượng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Tô Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông: Đinh Quang Hoàn Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Đoàn Minh Thiện Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà: Mai Thị Thanh Trang Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

III. CÁC KHAI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIỆT TẬP

Các khái niệm:

- **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền, hoặc là CW) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quy để bảo đảm toàn cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
- **Vị thế mở** chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.

▪ **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

▪ **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng quyền cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất, không bao gồm ngày đảo hán.

▪ **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng quyền cơ sở.

Công thức:

Delta = (Mức độ thay đổi giá chứng quyền) / (Mức độ thay đổi giá chứng quyền cơ sở)

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

▪ Bản cáo bạch

Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư danh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán

▪ Cổ phiếu

Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

▪ Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

▪ Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

▪ Điều lệ

Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt thông qua

▪ Luật Chứng khoán

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

▪ Luật Doanh Nghiệp

Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

▪ Người có liên quan

La tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;

Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;

Người quản lý doanh nghiệp;

Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia;

Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản

▪	Room nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
▪	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
▪	VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
▪	Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:		
▪	BCTC	Bảo cáo tài chính
▪	BKS	Ban Kiểm soát
▪	CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound Annual Growth Rate)
▪	CKCS	Chứng khoán cơ sở
▪	CNTT / IT	Công nghệ thông tin
▪	CP	Cổ phần
▪	CPLH	Cổ phiếu lưu hành
▪	Chi số P/E	Price/ Earnings: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu
▪	Chi số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
▪	CW	Covered Warrants
▪	DMA	Truy nhập thị trường trực tiếp (Direct Market Access)
▪	DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
▪	DTT	Doanh thu thuần
▪	BHDCB	Bài hội đồng cổ đông
▪	BKGD	Bảng kê kinh doanh
▪	EPS	Earnings Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu EPS = (Lợi nhuận ròng – Cổ tức cổ phiếu ưu đãi) / Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông

ly công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

▪	FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment)
▪	FIX	Chuẩn kết nối FIX (Financial Information Exchange)
▪	GCN/ Giấy CN	Giấy chứng nhận
▪	GDP	Tổng thu nhập quốc nội
▪	GSO	Tổng Cục thống kê
▪	GTSS	Giá trị sổ sách
▪	HB	Hợp đồng
▪	HDQT	Hội đồng Quản trị
▪	HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪	HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪	IB	Ngân hàng đầu tư (Investment Banking)
▪	IPO	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng
▪	ISB	Môi giới khách hàng tổ chức (Institutional Sales Brokerage)
▪	KTT	Kê toán trưởng
▪	LB	Môi giới trong nước (Local Brokerage)
▪	LN	Lợi nhuận
▪	LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪	M&A	Mua bán & Sáp nhập (Merger & Acquisition)
▪	NNHN	Ngân hàng nhà nước
▪	NSH	Người sở hữu
▪	OTC	Thị trường phi tập trung (Over the counter)
▪	ROA	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
▪	ROE	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
▪	STP	Công giao dịch trực tuyến (Straight-through Processing)
▪	TCPH	Tổ chức phát hành
▪	TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân
▪	TNDN	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp

▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TPP	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Partnership)
▪ TSCD	Tài sản cố định
▪ TSCS	Tài sản cơ sở
▪ TTCK	Thị trường chứng khoán
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ USD	Đô la Mỹ (U.S. Dollar)
▪ VCAM	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
▪ VBL	Vốn điều lệ
▪ Vôn CSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VND	Đồng Việt Nam
▪ VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- Năm 2021 dù trải qua nhiều biến động bởi đại dịch nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam mà đại diện là VN-Index vẫn khép lại năm 2021 với 1498,28 điểm, tăng 36% trong vòng 1 năm. Vốn hóa thị trường tăng mạnh đạt hơn 7,7 triệu tỷ đồng, tăng 46% trong vòng 1 năm và quy mô thị trường chứng khoán đạt xấp xỉ 123% GDP. Đến cuối năm Việt Nam chính thức có 52 doanh nghiệp có vốn hóa tỷ USD được niêm yết.
 - Cùng với diện tích cực của thị trường chứng khoán, giá trị giao dịch cũng không ngừng tăng cao đạt giá trị giao dịch bình quân hơn 25.960 tỷ đồng/phiên, tăng 250% so với năm trước, trong đó có phiên ghi nhận kỷ lục với hơn 56.100 tỷ đồng. Số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới đạt hơn 1,3 triệu tài khoản, và hơn 4.000 tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài mở mới, nâng tổng số tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên 4 triệu, xấp xỉ 4% dân số và tăng hơn 47% so với cuối năm trước.
- 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư**
- 2.1 Triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam**
- Tỷ giá ổn định: Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD cuối năm 2021 ở mức 23.145 - tăng 0,2% so với cuối năm 2020. Trong khi xu hướng rút vốn khỏi các nước mới nổi và đang phát triển khiến đồng tiền của nhiều nước trong khu vực mất giá khá lớn so với USD (USD tăng 4,65%, Baht Thái giảm 11,2%, Ringgit Malaysia giảm 2,68%, Đô-la Singapore giảm 1,95%) thì tỷ giá VND/USD tiếp tục ổn định, tỷ giá trung tâm trong năm được duy trì năm trước. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.
 - Việt Nam trở thành nền kinh tế có quy mô xuất khẩu đứng thứ 22 trên thế giới. Nhập khẩu hàng hóa đạt 332,25 tỷ USD (tăng 26,6% so với năm 2020).
 - Thương mại: Xuất nhập khẩu hàng hóa được xem là một trong những điểm sáng nhất của nền kinh tế năm 2021 khi đạt tổng kim ngạch 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước. Với kết quả này đã giúp Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế. Thương dư thương mại năm 2021 đạt mức 4 tỷ USD bất chấp tình hình dịch bệnh và rủi ro toàn cầu. Với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm ước đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước, không những xuất khẩu đã "xò dãn" kỷ lục 282,65 tỷ USD của cả năm 2020, mà còn đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế có quy mô xuất khẩu đứng thứ 22 trên thế giới.
 - FDI: Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tỷ giá ít biến động đã giúp cho Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đạt trên 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020.
 - Lạm phát: Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020, đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện cho Chính phủ thực hiện nhiều chính sách tài chính, tài khóa trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và cả nền kinh tế.
 - GDP: Năm 2021 tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả lĩnh vực kinh tế - xã hội.
- 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam**

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

- Với hàng loạt kỹ lược được thiết lập, mọi dự báo về thị trường chứng khoán năm 2022 đều cho rằng thị trường sẽ tiếp tục rộng cửa tăng trưởng. Kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi, cộng thêm các gói kích thích kinh tế, nên năm 2022, tổng quan nền kinh tế được nhận định sẽ tốt hơn và là động lực đi lên của thị trường chứng khoán. Ngoài ra, trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm thấp, nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư sẽ tiếp tục có chiều hướng chuyển sang các kênh đầu tư khác, trong đó có chứng khoán.
- Ngành tiêu dùng được quan tâm bởi đây là một trong những ngành có thể đem lại lợi nhuận ở mức thấp. Được hỗ trợ bởi thu nhập ngày càng tăng và sự lạc quan về tài chính trong tương lai, người tiêu dùng Việt Nam đang đẩy mạnh chi tiêu cho các mặt hàng tùy ý cũng như mua các sản phẩm cao cấp hơn. Chính phủ cũng đã đưa ra nhiệm vụ năm 2022 phân đầu tăng trưởng GDP đạt 6-6,5%. GDP bình quân đầu người đạt 3.900 USD. Việt Nam cũng nhìn thấy nhu cầu ngày càng tăng về ô tô và nhà ở cũng như các định dạng bán lẻ hiện đại. Người Việt Nam tiếp tục xếp hàng trong 5 quốc gia hàng đầu về chỉ số niềm tin tiêu dùng, theo Nielsen.

2.2 Cơ hội đầu tư ở Việt Nam

- Ngành ngân hàng cũng có triển vọng rất tốt do ngành này đang nổi lên từ vấn đề chất lượng tài sản từ năm 2012. Hiện tại, các ngân hàng đã trích trước hầu hết các tài sản của họ và sẽ không bị gánh nặng bởi chi phí phòng rất lớn trong những năm tới. Hơn nữa, chất lượng tài sản cơ bản của các ngân hàng đã cải thiện tốt hơn trong các năm qua. Ngoài ra, các dòng sản phẩm mới như bancassurance, thẻ tín dụng, thẻ chấp và ngân hàng kỹ thuật số đang có sự tăng trưởng rất ổn định.

2.3 Cơ hội đầu tư vào chứng khoán có bảo đảm

- Thị trường bất động sản ở Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng bền vững. Trong tương lai, một số điều kiện vĩ mô thuận lợi sẽ tiếp tục thúc đẩy thị trường, như lạm phát thấp và lãi suất thấp, điều này đã làm gia tăng niềm tin người mua nhà trong các năm qua. Tăng trưởng thu nhập tăng, mảng lưu trữ dự phòng bộ, cơ sở hạ tầng không ngừng cải thiện và sự gia tăng phurong tiện vận tải, do đó thị trường bất động sản được dự báo vẫn tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

- Thị trường bất động sản ở Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng bền vững. Trong tương lai, một số điều kiện vĩ mô thuận lợi sẽ tiếp tục thúc đẩy thị trường, như lạm phát thấp và lãi suất thấp, điều này đã làm gia tăng niềm tin người mua nhà trong các năm qua. Tăng trưởng thu nhập tăng, mảng lưu trữ dự phòng bộ, cơ sở hạ tầng không ngừng cải thiện và sự gia tăng phurong tiện vận tải, do đó thị trường bất động sản được dự báo vẫn tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.



V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐÀM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BÀN VIỆT**
- Tên Tiếng Anh: **VIET CAPITAL SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VCSC**
- Trụ sở: **Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM**
- Điện thoại: **+84 (0)28 3914 3588**
- Fax: **+84 (0)28 3914 4531**
- Website: **www.vcsc.com.vn**

- Giấy phép thành lập: **Giấy phép thành lập số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 52/GPBC-UBCK ngày 12/07/2021**
- **Vốn điều lệ đăng ký:** 3.330.000.000.000 đồng (Ba nghìn ba trăm ba mươi tỷ đồng)
- **Vốn điều lệ thực góp:** 3.330.000.000.000 đồng (Ba nghìn ba trăm ba mươi tỷ đồng)



- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Tô Hải, Tổng Giám đốc
- **Số tài khoản:** 119.10.0003.69732 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- **Ngành nghề kinh doanh:** Mọi giới chứng khoán

- **Từ doanh chứng khoán**
- **Tư vấn đầu tư chứng khoán**
- **Bảo lãnh phát hành chứng khoán**
- **Lưu ký chứng khoán**

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2007** Công ty Cổ phần Chứng khoán Bàn Việt (VCSC) được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11/2007 với mức vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng
- **Năm 2008** Thành lập chi nhánh tại Hà Nội

- VCSC được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) quyết định chấp thuận là thành viên đầu thầu trái phiếu
 - Chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm lời chứng khoán Tong Yang (nay là Lotte HPT Vietnam)
 - Tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 378 tỷ đồng theo giấy phép số 276/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp tháng 11/2009
- Năm 2010**
 - Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần mới giới chứng khoán lớn nhất 6 tháng cuối năm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
 - Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất Quý 3 tại HNX
 - Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ
- Năm 2011**
 - Vươn lên nhóm 6 công ty chứng khoán có thị phần mới giới chứng khoán lớn nhất HSX
 - Tập chí Finance Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam"
 - Tập chí The Asset bình chọn "Công ty mới giới tốt nhất Việt Nam"
 - Tập chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất" tại Việt Nam
 - UBND Tp.HCM trao tặng giải thưởng "Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011"
- Năm 2012**
 - Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có thị phần mới giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
 - Tập chí Finance Asia bình chọn là "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tập chí Alpha Southeast Asia công nhận, "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" và "Nhà mới giới tổ chức tốt nhất", là công ty duy nhất nhận đồng thời 3 giải thưởng trên tại Việt Nam
 - Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng theo giấy phép số 122/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp
- Năm 2013**
 - Chuyên dịch cân bằng, hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh
 - Vươn lên vị trí 3 công ty chứng khoán có thị phần mới giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
 - Tập chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" và "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" tại Việt Nam



- Tập chí Alpha Southeast Asia công nhân "Nhà môi giới" tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam"
- Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"
- Điểm phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) vượt ngưỡng mục tiêu 25%
- Thuộc Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX
- Tập chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Nhà môi giới" tốt nhất Việt Nam"
- Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2003-2014"
- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo giấy phép số 20/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2014
- Cũng có nguồn lực, duy trì sức mạnh nội tại với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt trên 30%
- Tập chí Euromoney bình chọn "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
- Tập chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
- Tập chí Alpha Southeast Asia bình chọn "Công ty tư vấn tài chính quy mô vừa tốt nhất Việt Nam"
- HNX bình chọn là "Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005-2015"
- Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2014-2015"
- Giữ vững vị thế Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
- Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức
- Năm 2016
- Giữ vững vị thế Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
- Tập chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
- Tập chí Alpha Southeast Asia trao giải "Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2016".
- Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam".
- Tăng vốn điều lệ lên 1.032 tỷ đồng theo giấy phép số 47/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 12/2016.

- Năm 2017**

 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn.
 - Tập chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam", "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tập chí Alpha Southeast Asia trao giải "Ngân hàng đầu tư và tư vấn sắp nhập tốt nhất Việt Nam".
 - Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam"
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng theo giấy phép số 35/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 8/2017.
- Năm 2018**

 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn.
 - Tập chí Finance Asia bình chọn "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam".
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.629 tỷ đồng theo giấy phép số 76/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2018.
- Năm 2019**

 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.644 tỷ đồng theo giấy phép số 53/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2019.
- Năm 2020**

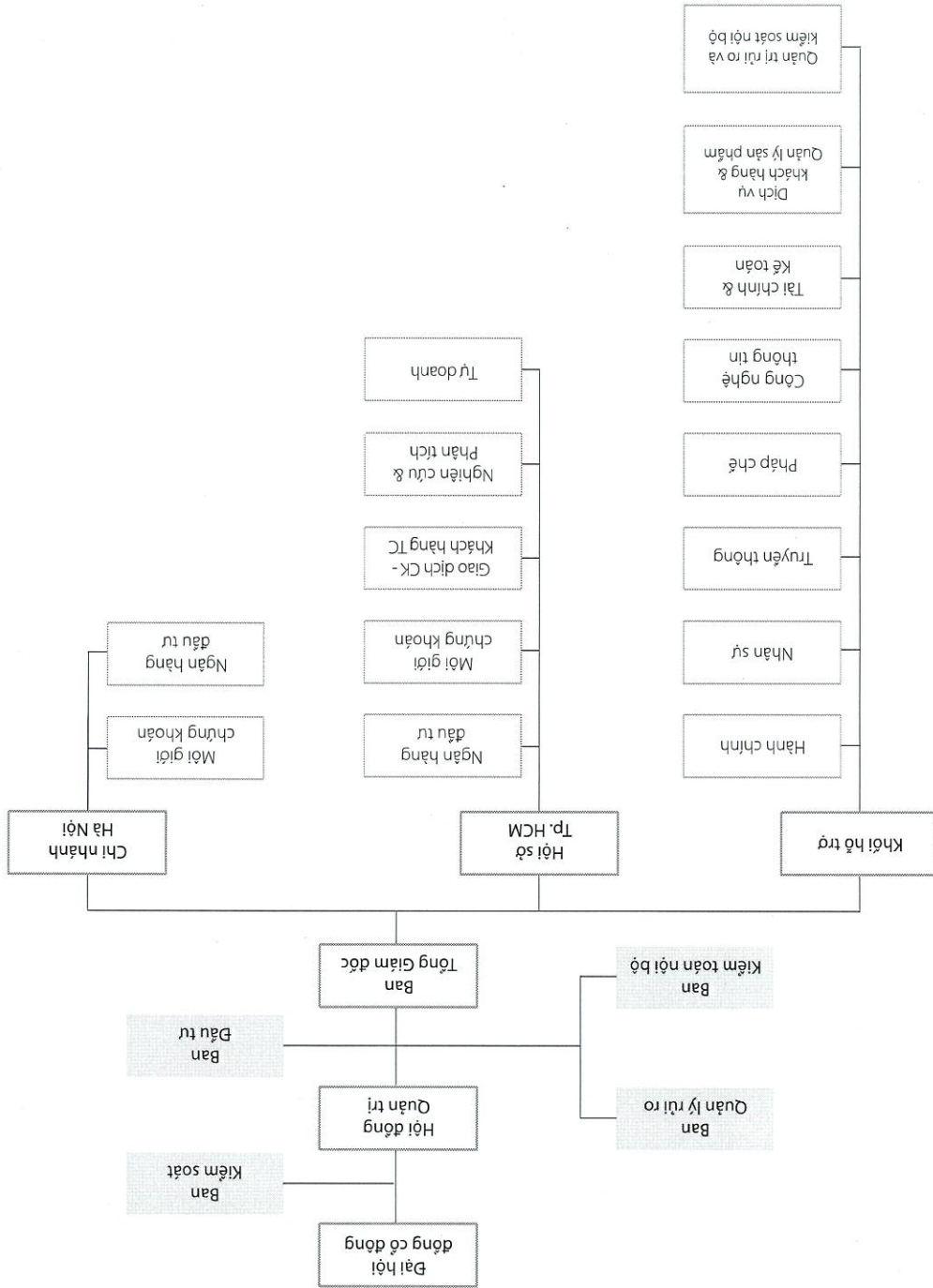
 - Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ, dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên, VCSC vẫn thành công trong việc tư vấn hàng loạt các thương vụ trong nước.
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.656 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 10/2020.
- Năm 2021**

 - Top 5 thị phần môi giới.
 - Tăng vốn điều lệ lên 3.330 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 12/07/2021.

1.3 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty



Tổ chức và hoạt động của Công ty được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều Lệ của Công ty; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- a. Đại hội đồng cổ đông**
- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.
- b. Hội đồng Quản trị**
- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng Quản trị VCSC gồm có 06 (sáu) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm). Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - Kiểm nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định gia chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phung phí an chào bán, chia thưởng cổ phiếu quy theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Quyết định phung phí an đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của VCSC có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm.

c. Ban Kiểm soát

- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đề trình (nếu có);
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này.
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Quan trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế danh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tài cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế danh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Kiểm nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Kiểm nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó chức năng kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính;
 - Thăm dò tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo tham mưu của Ban Tổng Giám đốc và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - Xem xét số kê toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.
- d. Ban Tổng Giám đốc**
- Thành phần Ban tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc là ngườ*i* điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và chương án đầu tư của Công ty;
 - Kiến nghị chương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
 - Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
 - Kiến nghị chương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - Tuyển dụng lao động;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Ban đầu tư

Ban Đầu tư phê duyệt các giao dịch và hạn mức đầu tư. Ban Đầu tư bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. Ban quản lý rủi ro

Ban quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trong yêu cầu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuần thủ theo quy định.

g. Ban Kiểm toán nội bộ

Kiểm soát nội bộ giám sát và kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhằm:

- Đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và tuân thủ nghiêm túc mọi quy định liên quan của pháp luật và các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty;
- Ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty dẫn đến rủi ro trong hoạt động;
- Bảo vệ an toàn tài sản và uy tín của công ty;

- Kiểm nghị với Ban giám đốc Công ty trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế và quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.4 Danh sách cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông hiện tại

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
-----	---------	----------	--------------	--------------------------------	-------------

I Cổ đông trong nước

	Tổ chức	63	3.753.012	37.530.120.000	1,12%
	Cá nhân	11.596	260.563.081	2.605.630.810.000	78,25%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	66	67.186.277	671.862.770.000	20,18%
	Cá nhân	135	1.497.630	14.976.300.000	0,45%
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	11.860	333.000.000	3.330.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 02/03/2022

b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Họ và tên	Số GNCBKKD/ CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Vốn điều lệ tỷ lệ % / thực góp
----	-----------	---------------------	---------	---------------------	--------------------------------------

1	Tô Hải	034073008380	21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM	75.719.766	22,74%
2	Trương Nguyễn Thiên Kim	068176000014	21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM	17.568.256	5,28%

Nguồn: Danh sách cổ đông tái ngày 02/03/2022

c. Danh sách người có liên quan của Công ty

STT	Họ tên	Mối quan hệ đôi với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/DKK D	Số cổ phiếu số hữu cuối ky	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối ky
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	091180000104	13.500.000	4,05%
1.01	Nguyễn Bảo Hoàng	Chồng	079073000764	0	0,00%
1.02	Nguyễn Bảo Hoàng Mi	Con	C8618899	0	0,00%
1.03	Nguyễn Bảo Hoàng Mai	Con	C8918899	0	0,00%
1.04	Nguyễn Tấn Dũng	Cha	096049000018	0	0,00%
1.05	Trần Thanh Kiểm	Mê	093154000023	0	0,00%
1.06	Nguyễn Thanh Nghi	Anh ruột	370883743	0	0,00%
1.07	Phan Diệu Linh	Chị dâu	012059828	0	0,00%
1.08	Nguyễn Minh Triết	Em ruột	024241095	0	0,00%
1.09	Đồng Thanh Vi	Em dâu	291105014	0	0,00%
1.10	CTCP QLQ Đầu tư CK Bản Việt	Tổ chức có liên quan	08/UBCK-GPHD	0	0,00%
1.11	Ngân hàng TMCP Bản Việt Việt	Tổ chức có liên quan	0025/NH-GP	0	0,00%
1.12	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Tổ chức có liên quan	0305051312	0	0,00%
2	Nguyễn Bảo Hoàng	Thành viên HĐQT	079073000764	0	0,00%
2.01	Nguyễn Thanh Phương	Vợ	091180000104	13.500.000	4,05%
2.02	Nguyễn Bảo Hoàng Mai	Con gái	C8918899	0	0,00%
2.03	Nguyễn Bảo Hoàng Mi	Con gái	C8618899	0	0,00%
2.04	Nguyễn Huy Bảo	Anh trai	503936753	0	0,00%
2.05	Linh Nguyễn O'Connor	Chị gái	574623259	0	0,00%
2.06	Thy Nguyen Huskey	Chị gái	658008988	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đôi với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/DKK D	Số cổ phiếu sở hữu cuối ky	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối ky
2.07	Công ty Cổ phần Good Day Hospitality	Tổ chức có liên quan	0311770812	0	0,00%
2.08	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Tổ chức có liên quan	0313478179	0	0,00%
2.09	Công ty Cổ phần Lifestyle Management Project	Tổ chức có liên quan	0313193007	0	0,00%
2.10	Công ty Cổ phần Bất động sản Bản Việt	Tổ chức có liên quan	0305051312	0	0,00%
2.11	Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Bản Việt	Tổ chức có liên quan	0304524894	0	0,00%
2.12	Công ty Cổ phần Bông rở Việt Nam	Tổ chức có liên quan	0314028831	0	0,00%
2.13	Liên đoàn Bông rở Việt Nam	Tổ chức có liên quan		0	0,00%
3	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	024757326	0	0,00%
3.01	Lê Thị Đò	Mê	220010793	0	0,00%
3.02	Nguyễn Văn Thám	Bố	023969216	0	0,00%
3.03	Nguyễn Quốc Thái	Em	024672523	0	0,00%
3.04	Phạm Nhật Quang	Chồng	001070016736	0	0,00%
3.05	Phạm Việt Dũng	Con	079203007231	0	0,00%
3.06	Phạm Anh Thu	Con		0	0,00%
3.07	Nguyễn Thị Hời	Mê chồng	001146002413	0	0,00%
3.08	Vũ Thị Thanh Hiền	Em dâu	066182000121	0	0,00%
3.09	Phạm Hoài Thanh	Anh chồng	023629058	0	0,00%
3.10	Nguyễn Thị Thu Trang	Chị bạn dâu	022211402	0	0,00%
3.11	Phạm Tuấn Minh	Em chồng	001073013028	0	0,00%
3.12	Nguyễn Ngọc Minh Trúc	Em bạn dâu	023162403	0	0,00%
3.13	Công ty cổ phần Bản Thành - Mũi Né	Tổ chức có liên quan	3400383497	0	0,00%
4	Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	001062020489	540.000	0,16%
4.01	Nguyễn Thu Phương	Vợ	023324444	0	0,00%
4.02	Trần Phương Ngọc	Con	024512098	0	0,00%
4.03	Trần Ngọc Minh	Con	024749284	0	0,00%
4.04	Công ty CP Phát triển & Tài trợ Địa ốc R.C	Tổ chức có liên quan	0302868064	0	0,00%
5	Nguyễn Lân Trung Anh	Thành viên HĐQT	012517076	0	0,00%
5.01	Nguyễn Lân Trung	Cha	010610831	0	0,00%
5.02	Đặng Bích Nga	Mê	010124297	0	0,00%
5.03	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	Chị ruột	011994583	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/DKK D	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
5.04	Trần Ngọc Minh	Anh rể	001081000261	0	0,00%
5.05	Trần Thị Kim Hà	Vợ	225407236	0	0,00%
5.06	Nguyễn Hà Trang	Con		0	0,00%
5.07	Trần Văn Hải	Bố vợ	220872406	0	0,00%
5.08	Phan Thị Tuyết Hằng	Mè vợ	220642595	0	0,00%
5.09	Trần Văn Hào	Em vợ	225485397	0	0,00%
5.10	Trần Thị Kim Hiền	Em vợ	225750188	0	0,00%
5.11	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Tổ chức có liên quan	0314857074	0	0,00%
5.12	Công ty TNHH XL Entertainment	Tổ chức có liên quan	0312061167	0	0,00%
5.13	Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Everest	Tổ chức có liên quan	0312061167	0	0,00%
5.14	Công ty TNHH Phoneix Clean Power	Tổ chức có liên quan	0314857074	0	0,00%
5.15	Công ty TNHH Thương Mại MaxToTo	Tổ chức có liên quan	0313662770	0	0,00%
5.16	Công ty cổ phần Tài chính Tín Việt	Tổ chức có liên quan	0102766770	0	0,00%
5.17	Công ty TNHH Firebird Investment	Tổ chức có liên quan	0315380450	0	0,00%
6	Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên HĐQT	023012330	0	0,00%
6.01	Đoàn Thị Kim Nhung	Vợ	023310266	0	0,00%
6.02	Lê Văn Nam	Cha ruột	079053003131	0	0,00%
6.03	Phạm Bích Kim	Mè ruột	020941232	0	0,00%
6.04	Đoàn Long	Cha vợ	023005950	0	0,00%
6.05	Lê Phạm Huy Cường	Em ruột	023639612	0	0,00%
6.06	Lê Phương Anh	Em dâu	038188010737	0	0,00%
6.07	Lê Đoàn Phúc Bảo	Con		0	0,00%
6.08	Lê Đoàn Phúc Khang	Con		0	0,00%
6.09	Công Ty cổ phần Capella D1	Tổ chức có liên quan	0311936673	0	0,00%
6.10	Công ty cổ phần Lothamilk	Tổ chức có liên quan	3600361211	0	0,00%
7	Tô Hải	Thành viên HĐQT	034073008380	75.719.766	22,74%
7.01	Trương Nguyễn Thiên Kim	Vợ	068176000014	17.568.256	5,28%
7.02	Tô Hồng Hà	Em ruột	034076005064	55.240	0,02%
7.03	Lê Kim Phương	Em dâu	023733052	0	0,00%
7.04	Trần Thị Lan	Mè ruột	035151000112	0	0,00%
7.05	Tô Hữu Đình	Cha ruột	034047000908	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/BKK D	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
7.06	Tô Thị Lan Hương	Chị ruột	034172005081	0	0,00%
7.07	Phạm Nguyễn Vũ	Anh rể	079072002592	0	0,00%
7.08	Nguyễn Thị Thế	Mê vợ	025726104	0	0,00%
7.09	Tô Lâm	Con ruột		0	0,00%
7.10	Tô An	Con ruột		0	0,00%
7.11	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sửa IDP	Tổ chức có liên quan	0302000974	0	0,00%
8	Đình Quang Hoàn	Phó Tổng Giám Đốc	031076024210	3.919.950	1,18%
8.01	Đình Quang Tập	Cha	250412033	0	0,00%
8.02	Nguyễn Thị Hạnh	Mê	250349290	0	0,00%
8.03	Đình Quang Hợp	Anh trai	250376396	0	0,00%
8.04	Lâm Thị Tô Nga	Vợ	22946716	0	0,00%
8.05	Đình Quang Khải	Con trai	079204002398	0	0,00%
8.06	Đình Quang Minh	Con trai		0	0,00%
8.07	Lâm Bình Lê	Ba vợ	020205599	0	0,00%
8.08	Lê Minh Tâm	Chị dâu	250510847	0	0,00%
8.09	Công ty Cổ phần Lohamilk	Tổ chức có liên quan	3600361211	0	0,00%
8.10	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sửa IDP	Tổ chức có liên quan	0302000974	0	0,00%
9	Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám Đốc	001075010479	2.126.400	0,64%
9.01	Ngô Thị Phúc	Mê đẻ	010108108	0	0,00%
9.02	Lê Đỗ Tập	Bố vợ	013027553	0	0,00%
9.03	Nguyễn Thị Kim Thoa	Mê vợ	013027554	0	0,00%
9.04	Lê Thị Đỗ Quyên	Vợ	12908533	0	0,00%
9.05	Nguyễn Ngọc Mai	Con	001199024343	0	0,00%
9.06	Nguyễn Quỳnh Anh	Con		0	0,00%
9.07	Nguyễn Quang Tuấn	Anh trai	001066008329	0	0,00%
9.08	Lương Thị Tuyết	Chị dâu	011622718	0	0,00%
9.09	Nguyễn Quang Đông	Em trai	N1424333	0	0,00%
9.10	Trần Thị Lương Khánh	Em dâu	N1543378	0	0,00%
10	Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	070181000117	0	0,00%
10.01	Mai Văn Phước	Cha ruột	079055008035	0	0,00%
10.02	Nguyễn Thị Thanh Mai	Mê ruột	079160016259	0	0,00%
10.03	Trần Hải Nam	Con		0	0,00%
10.04	Trần Mai Hải Anh	Con		0	0,00%
10.05	Mai Văn Tuấn	Em trai	285023408	500	0,00%
10.06	Mai Thủy Ai	Em dâu	301075848	10.000	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đôi với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/DKK D	Số cổ phiếu sở hữu cuối ky	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối ky
11	Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	025149283	0	0,00%
11.01	Nguyễn Minh Tuấn	Chồng	025502838	0	0,00%
11.02	Nguyễn Bùi Thanh Mai	Con		0	0,00%
11.03	Nguyễn Bùi Tuấn Minh	Con		0	0,00%
11.04	Nguyễn Thị Lạc	Mé ruột	300408202	0	0,00%
11.05	Bùi Công Đê	Em ruột	300962366	0	0,00%
11.06	Trần Thị Lâm Xuyên	Em dâu	300993574	0	0,00%
11.07	Bùi Thị Bích Nguyễn	Em ruột	080183000785	0	0,00%
11.08	Nguyễn Văn Dũng	Em rể	02555959371	0	0,00%
11.09	Bùi Minh Thông	Em ruột	301254808	0	0,00%
11.10	Phạm Thanh Nguyễn	Em dâu	301255491	0	0,00%
11.11	Bùi Thị Bích Phương	Em ruột	301300834	0	0,00%
11.12	Nguyễn Thị Hồng Tú	Mé chồng	370008413	0	0,00%
11.13	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Tổ chức có liên quan	0313478179	0	0,00%
12	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	261151176	0	0,00%
12.01	Trương Trọng Phương	Bố	260530397	0	0,00%
12.02	Nguyễn Thị Kim Cúc	Mé	260859445	0	0,00%
12.03	Trương Thị Lệ Quyên	Chị gái	260964514	0	0,00%
12.04	Phạm Đức Hoài	Anh rể	011878693	0	0,00%
12.05	Trương Hoàng Bảo Thi	Em gái	261523936	0	0,00%
12.06	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Tổ chức có liên quan	0305051312	0	0,00%
13	Đoàn Minh Thiện	Kế toán trưởng	046081000192	190.000	0,06%
13.01	Đoàn Don	Cha	190612343	0	0,00%
13.02	Hồ Thị Việt	Mé	190612374	0	0,00%
13.03	Nguyễn Thị Ai Phương	Vợ	025156785	0	0,00%
13.04	Đoàn Thiện nghĩa	Con		0	0,00%
13.05	Đoàn Nguyễn Thiên Nhân	Con		0	0,00%
13.06	Đoàn Thiên Long	Con		0	0,00%
13.07	Đoàn Thị Ngọc Quy	Em ruột	025282127	0	0,00%
13.08	Đoàn Quang Trường	Em ruột	025282111	0	0,00%
13.09	Đoàn Thị Ngọc Xuân	Em ruột	191749690	0	0,00%
13.10	Nguyễn Văn Minh Trí	Em rể		0	0,00%
13.11	Võ Chánh	Em rể	191483317	0	0,00%
13.12	Phan Lê Hoài Anh	Em dâu	191603806	0	0,00%

Không có

d. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VCSC

Không có

phối

c. Danh sách những công ty mà VCSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi

Không có

b. Danh sách công ty con của VCSC

Không có

a. Công ty mẹ của VCSC

yết

1.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm

nên không còn bị ràng buộc về hạn chế chuyển nhượng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt được thành lập từ năm 2007, đến nay đã qua 03 (ba) năm

d. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 02/03/2022

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/DKK D	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
14	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	079087012762	8.440	0,00%
14.01	Bùi Xuân Tú	Cha ruột	21607189	0	0,00%
14.02	Vũ Thị Kim Phượng	Mé ruột	21078319	0	0,00%
14.03	Đình Hải Anh	Vợ	24167855	0	0,00%
14.04	Đình Đức Ninh	Cha vợ	030059001030	0	0,00%
14.05	Nguyễn Thị Then	Mé vợ	034158003194	0	0,00%
14.06	Bùi Hoàng Thủy Trúc	Con		0	0,00%
14.07	Bùi Hoàng Bảo Sơn	Con		0	0,00%
14.08	Bùi Vũ Hoàng Mỹ	Chị ruột	079185006386	0	0,00%
14.09	Nguyễn Quốc Huy	Anh rể	233333456	0	0,00%
14.10	Bùi Vũ Hoàng Kim	Em ruột	N2175589	0	0,00%
14.11	Chu Vi Thông	Em rể	C1468936	0	0,00%

- ✓ Từ 2007 – hiện nay
Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- ✓ Từ 2003 – 2007
Giám đốc Chi nhánh, Công ty Chứng khoán Bảo Việt
- ✓ Từ 2002 – 2003
Trưởng phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Đông Á
- ✓ Từ 2001 – 2002
Chuyên viên phân tích, Công ty Chứng khoán Bảo Việt
- ✓ Từ 1997 - 2000
Cán bộ Dự án, Công ty viên thông liên tỉnh, Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam (Vietnam Telecom Nation)

- Quá trình công tác:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
- Trình độ chuyên môn:
21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú:
Kinh
- Dân tộc:
Việt Nam
- Quốc tịch:
022977047
- Số CMND:
Thái Bình
- Nơi sinh:
01/12/1973
- Ngày sinh:
Nam
- Giới tính:
Tô Hải
- Họ và tên:

Tổng Giám đốc: Ông Tô Hải

b. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/CCCD / Hộ chiếu
Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc	1973	034073008380
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1975	001075010479
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	1976	025004907
Ông Đoàn Minh Thiện	Kế toán trưởng	1981	025332121

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

a. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
1.6 Thông tin về Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của tổ chức phát hành

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt dài chung;
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 khác;
 - Nhưng khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Quang Bảo**
- Họ và tên: Nguyễn Quang Bảo
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 18/01/1975
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Số CMND: 001075010479
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 9 Ngõ 82, Phạm Ngọc Thạch, P.Quang Trung, Q.Đống Đa, Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn: Đại học
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1996 - 2000: Nhân viên, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2000 - 2002: Nhân viên Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2002 - 2005: Trưởng phòng Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2005 - 2007: Phó Giám Đốc, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2007 - 2008: Phó Giám Đốc khởi dịch vụ chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ Từ 2008 – hiện nay
Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Hà Nội,
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty
đại chúng:
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội,
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức
khác:
Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Phó Tổng Giám đốc: Ông Đinh Quang Hoàn**
- Họ và tên: Đinh Quang Hoàn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Số CMND: 025004907
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: G22 Nam Long, KP2, P.Phú Thuận, Q.7, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/1998 – 06/2002
Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán Arthur Andersen
 - ✓ Từ 06/2002 – 03/2007
Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty Kiểm toán KPMG
 - ✓ Từ 03/2007 – 08/2007
Phó phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Bảo Việt
 - ✓ Từ 08/2007 – 01/2013
Giám Đốc Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Chỉ tiêu	2019	Tỷ trọng (%)	2020	Tỷ trọng (%)	Tăng / Giảm (%)	2021	Tỷ trọng (%)
Ngân hàng đầu tư	179	11,5%	148	8,5%	(17,3%)	337	9,0%

năm 2021

Bảng 4: Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính mạnh hoạt động qua các 2019, 2020 và

a. Doanh thu

2.1 Giá trị dịch vụ qua các năm

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

- ✓ Từ 2018 – nay Trưởng phòng – Phòng Ngân hàng Đầu tư
- ✓ Từ 2014 – 2017 Chuyên viên cao cấp – Phòng Ngân hàng Đầu tư
- ✓ Từ 2012 – 2014 Chuyên viên – Phòng Ngân hàng Đầu tư
- Kinh nghiệm công tác:

- ✓ Từ 2016 Thẻ thẩm định viên về giá được cấp bởi Bộ Tài Chính Việt Nam
- ✓ Từ 2013 Chứng chỉ hành nghề Phân tích chứng khoán được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- ✓ Từ 2008 – 2011 Cử nhân tài chính ứng dụng - Đại học Macquarie, Sydney, Úc

Thái Hoàng Anh Quân

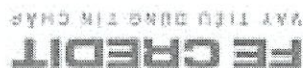
1.7 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Trưởng bộ phận quản trị rủi ro cho nghiệp vụ Chứng quyền bảo đảm: Ông Thái Hoàng Anh Quân

- Họ và tên: Thái Hoàng Anh Quân
- Trình độ học vấn: Cử nhân tài chính ứng dụng - Đại học Macquarie, Sydney, Úc
- Kinh nghiệm công tác:
 - ✓ Từ 2016 Thẻ thẩm định viên về giá được cấp bởi Bộ Tài Chính Việt Nam
 - ✓ Từ 2013 Chứng chỉ hành nghề Phân tích chứng khoán được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
 - ✓ Từ 2008 – 2011 Cử nhân tài chính ứng dụng - Đại học Macquarie, Sydney, Úc
- Chức vụ đang nắm giữ tài tổ chức khác: Trưởng phòng – Phòng Ngân hàng Đầu tư
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đại chúng:



Là đơn vị đồng tư vấn phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với giá trị vốn hóa là khoảng 6,5 tỷ USD (2018)



Là đơn vị tư vấn bán FE Credit cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)

- Các thương vụ tiêu biểu trong các năm qua:
 - Năm 2021, VCSC ghi nhận 337 tỷ đồng doanh thu từ hoạt động ngân hàng đầu tư (tăng 127% so với năm 2020). VCSC đã hoàn tất thương vụ bán 49% cổ phần của FE Credit cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC). Ngoài thương vụ này, sự thành công của mảng Ngân hàng Đầu tư trong năm 2021 còn được đánh dấu bởi việc VCSC hoàn thành thương vụ IPO và niêm yết CTCP Dịch vụ BDS Đất Xanh (DSX).
 - Bộ phận IB của VCSC liên tục nhận được các giải thưởng như "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam", "Công ty tư vấn phát hành tốt nhất" hàng năm từ các tổ chức quốc tế bao gồm Alpha Southeast Asia, Euromoney và Finance Asia.
 - Bộ phận IB của VCSC có đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu thị trường Việt Nam, từng có kinh nghiệm làm việc tại các công ty danh tiếng như Goldman Sachs, Credit Suisse, Bank of America Merrill Lynch... giúp đảm bảo khả năng triển khai giao dịch thành công, thực hiện các thương vụ đáp ứng chuẩn mực và chất lượng quốc tế để đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
 - Bộ phận IB của VCSC có đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu thị trường Việt Nam, từng lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài.
 - Bộ phận ngân hàng đầu tư ("Investment Banking", "IB") của VCSC cung cấp các dịch vụ tư vấn về M&A, huy động vốn, phát hành trái phiếu, IPO và niêm yết, gồm hai văn phòng tại Tp.HCM và Hà Nội với đội ngũ các chuyên gia trong và ngoài nước. Bộ phận ngân hàng đầu tư của VCSC có thị phần dẫn đầu vượt trội trong mảng tư vấn tài Việt Nam và là đơn vị tư vấn chính cho hầu hết các doanh nghiệp lớn trong nước, đồng thời cũng là đơn vị tư vấn trong nước được VCSC được xem là công ty chứng khoán hàng đầu tài Việt Nam trong mảng tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) và huy động vốn, chào bán ra công chúng (IPO).

Hoạt động ngân hàng đầu tư

Tổng doanh thu thuần năm 2021 đạt 3.733 tỷ đồng, tăng 115% so với năm 2020. Chi tiết doanh thu các mảng hoạt động như sau:

Chi tiêu (tỷ đồng)	2019	Tỷ trọng (%)	2020	Tỷ trọng (%)	Tăng / Giảm (%)	2021	Tỷ trọng (%)
Đầu tư chứng khoán	704	45,4%	842	48,5%	19,6%	1.958	52,5%
Dịch vụ môi giới chứng khoán	325	21,0%	439	25,3%	35,1%	838	22,4%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	344	22,2%	307	17,7%	(10,8%)	600	16,1%
Tổng cộng	1.551	100,0%	1.736	100,0%	11,9%	3.733	100,0%

<p>Là đơn vị đồng quyền bên bán cho giao dịch bán cổ phần Công ty Cổ phần TRAPHACO, trị giá 105 triệu USD (2017)</p>	
<p>Là đơn vị đồng quyền bên bán cho giao dịch bán 97% cổ phần Công ty Cổ phần Ngư Á Châu, trị giá 180 tỷ đồng (2018)</p>	
<p>Là đơn vị đồng quyền phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị vốn hóa là khoảng 2,3 tỷ USD (2017)</p>	
<p>Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đà quy Phú Nhuận (PNJ) với tổng giá trị phát hành là hơn 975 tỷ đồng (2017)</p>	
<p>Là đơn vị đồng tư vấn cho Casino Group chuyển nhượng chuỗi siêu thị BigC Việt Nam cho Tập đoàn Central Group với giá 1,1 tỷ Euro (2016)</p>	
<p>Tư vấn cho bên mua là Fraser & Neave trong thương vụ mua 78,3 triệu cổ phần Vinamilk từ SCIC (tương ứng 5,4% vốn điều lệ) thông qua đấu giá với giá trị thương vụ 500 triệu USD (2016)</p>	
<p>Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần có quy mô lớn nhất trong những năm gần đây, Vietjet Air – 170 triệu USD (2016); đơn vị tư vấn kiêm yết duy nhất cho Vietjet Air (2017)</p>	
<p>Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần Novaland trị giá 120 triệu USD (2016)</p>	
<p>Tư vấn thành công thương vụ chuyển nhượng 100% vốn tài Công ty TNHH Togico – doanh nghiệp phối hợp sản phẩm hàng đầu tại Việt Nam cho Kato Sangyo – tập đoàn nước giải khát Nhật Bản với vai trò là đơn vị tư vấn độc quyền cho bên bán (2016)</p>	
<p>Tư vấn việc bán 30% cổ phần của Công ty ANCO cho Masan Nutri-Science nhằm tăng tỷ lệ sở hữu của Masan tại đây lên 100% (2016)</p>	
<p>Tư vấn phát hành trái phiếu và cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Dầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền với tổng giá trị phát hành hơn 1.600 tỷ đồng (2015)</p>	

Tư vấn cho Công ty Cổ phần Masan thông qua Công ty Masan Nutri-Science mua lại 70% cổ phần Anco và 52% cổ phần Proconco (2015)



CENTRAL Group



Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch Nguyễn Kim bán cổ phần cho Central Group Thái Lan (2014)



Là đơn vị tư vấn cho giao dịch chào bán cổ phần riêng lẻ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (Mobile World) cho nhà đầu tư nước ngoài – 30 triệu USD (2014)



thegioidong

Là đơn vị tư vấn cho Metro Pacific Tollways Corp. mua lại cổ phần Công ty CII B&R – 90 triệu USD (2014)










METRO PACIFIC TOLLWAYS

Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch bán 40% cổ phần Proconco cho Masan, trị giá 96 triệu USD (2013)


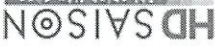









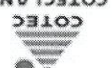








<p>50 triệu USD 2011</p> <p>Tư vấn sát nhập FPT Information system, FPT trading and FPT Software</p> <p>FPT Telecom</p> <p>FPT</p> <p>CTCP Viễn Thông FPT</p>	<p>50 triệu USD 2011</p> <p>Đại lý chào mua công Khai Vinacafe Biên Hòa</p> <p>MASAN CONSUMER</p> <p>MASAN</p> <p>CTCP Hàng tiêu dùng Masan</p>	<p>40 triệu USD 2012</p> <p>Tư vấn bán cho Nhà máy Xi măng Ang Son II</p> <p>Vicem Hai Van mua lại Nhà máy Xi măng Ang Son II</p> <p>ANGSON</p> <p>Xi Măng Hải Vân</p>	<p><10 triệu USD 2012</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>LICOGI 1&6</p> <p>LICOGI 1&6</p> <p>Licogi 1&6</p>	<p>779 triệu USD 2012</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>DPM</p> <p>CTCP phân bón & hóa chất đầu khi</p>
<p>12.5 triệu USD 2013</p> <p>Tư vấn Masan mua cổ phần bia Phú Yên</p> <p>MASAN GROUP</p> <p>MASAN</p> <p>Tập đoàn Masan</p>	<p>10 triệu USD 2012</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>PayLink</p> <p>mobivi</p> <p>Mobivi Paylink</p>	<p><10 triệu USD 2013</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>FAREFICO</p> <p>FAREFICO</p> <p>Taisel Oncho Co.,Ltd. Searefco</p>	<p>90 triệu USD 2014</p> <p>Tư vấn mua - MPTC mua lại CII B&R</p> <p>METRO PACIFIC</p> <p>METRO PACIFIC</p> <p>Metro Pacific (MPTC) CII B&R</p>	<p>38.6 triệu USD 2014</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>SVAR</p> <p>Xi Măng Hải Vân</p>
<p>6.9 triệu USD 2014</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>SAVIMEX</p> <p>SAVIMEX</p> <p>CTCP Savimex</p>	<p>Bảo mật 2014</p> <p>Đồng tư vấn M&A</p> <p>NGUYENKIMTRADING</p> <p>NGUYENKIMTRADING</p> <p>CTCP Thương mại Nguyễn Kim</p>	<p>Bảo mật 2015</p> <p>Tư vấn mua lại dự án</p> <p>PHATDAT CORPORATION</p> <p>PHATDAT</p> <p>BDS Phát Đạt</p> <p>CTCP Phát triển</p>	<p>Bảo mật 2015</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>KHANG BIEN</p> <p>KHANG BIEN</p> <p>BCCI</p> <p>Khang Dien House</p>	<p>Bảo mật 2015</p> <p>Tư vấn mua lại dự án</p> <p>KHANG BIEN</p> <p>KHANG BIEN</p> <p>Khang Diên</p> <p>Kinh doanh Nhà</p> <p>CTCP Đầu tư và</p>
<p>Bảo mật 2015</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập cho bên bán</p> <p>TAPACK</p> <p>TAPACK</p> <p>Bao bi Minh Việt</p>	<p>US\$500mn 2016</p> <p>Tư vấn bán mua</p> <p>VINAMILK</p> <p>VINAMILK</p> <p>Fraser & Neave ("F&N")</p>	<p>20 triệu USD 2016</p> <p>Tư vấn mua bán sáp nhập</p> <p>TOGICO</p> <p>TOGICO</p> <p>TOGICO</p>	<p>1.100 triệu EUR 2016</p> <p>Đồng tư vấn M&A</p> <p>Big C</p> <p>Big C</p> <p>Chuỗi siêu thị Big C</p>	<p>890 triệu USD 2016</p> <p>Tư vấn Vicem trong giao dịch thoái vốn của Lafargeholcim tại Holcim Việt Nam</p> <p>VICEM</p> <p>VICEM</p> <p>VICEM</p>

▪ Các thương vụ thành công khác:

<p>15 triệu USD 2011</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>CTP Docimexco</p>	<p>68 triệu USD 2011</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>Vinacafe Bien Hoa</p>	<p>49 triệu USD 2011</p> <p>Tư vấn niêm yết UPCOM</p>  <p>Hanoi Southern City Development</p>	<p>21 triệu USD 2011</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>City Lương thực Đông Tháp - Dong Thap Food</p>	<p>50 triệu USD 2011</p> <p>Tư vấn UPCOM</p>  <p>CTCP Dầu tư và Phát triển Đô thị Sai Đông</p>
<p>219 triệu USD 2014</p> <p>Tư vấn cổ phần hóa</p>  <p>Dầu khí Cà Mau</p>	<p>200 triệu USD 2013</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>The giới đi động</p>	<p>63,5 triệu USD 2013</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>Phân bón Bình Điền</p>	<p>60 triệu USD 2012</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>An Dương Thảo Điền</p>	<p>3,2 tỷ USD 2012</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>Tổng Cty Khí VN - PetroVietnam Gas</p>
<p>2016</p> <p>Bảo mật</p>  <p>CTP Hàng tiêu dùng Masan</p>	<p>70 triệu USD 2016</p> <p>Tư vấn cổ phần hóa</p>  <p>Tổng Công ty Xây dựng số 1</p>	<p>96 triệu USD 2016</p> <p>Tư vấn cổ phần hóa</p>  <p>Cty TNHH - MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương</p>	<p>5 triệu USD 2015</p> <p>Tư vấn IPO</p>  <p>Tổng Cty Chè VN - CTCP Vina Tea</p>	<p>600 triệu USD 2015</p> <p>Tư vấn UPCOM</p>  <p>Masan Tài Nguyên</p>
<p>1,3 tỷ USD 2017</p> <p>Đông tư văn chào bán đại chúng & niêm yết HOSE</p>  <p>Hàng hàng không Vietjet Air</p>	<p>1,35 tỷ USD 2016</p> <p>Đông tư văn chào bán riêng lẻ</p>  <p>Tập đoàn đầu tư địa ốc Novaland</p>	<p>290 triệu USD 2016</p> <p>Đông tư văn chào bán đại chúng & UPCOM</p>  <p>Vissan</p>	<p>120 triệu USD 2016</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>CTCP Xây lắp điện 1</p>	<p>37 triệu USD 2015</p> <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p>  <p>Tập đoàn NaFoods</p>



<p>US\$10mn 2015</p> <p>Tư vấn chứng chi tiên gửi</p>  <p>Home Credit Việt Nam</p>	<p>US\$27mn 2015</p> <p>Tư vấn chứng chi tiên gửi</p>  <p>HD Sai Son</p>	<p>US\$15mn 2015</p> <p>Tư vấn tài phiếu doanh nghiệp</p>  <p>Thành Đầu tư Địa ốc Bến</p>	<p>US\$40mn 2014</p> <p>Tư vấn phát hành riêng lẻ</p>  <p>Khang Diên Kinh doanh Nhà CTCP Đầu tư và</p>	<p>US\$40mn 2013</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Thành Đầu tư Địa ốc Bến Công ty Cổ phần</p>	<p>US\$110mn 2013</p> <p>Tư vấn chào bán riêng lẻ</p>  <p>Tập đoàn Masan</p>	<p>US\$40mn 2013</p> <p>Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ</p>  <p>Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí</p>	<p>US\$57mn 2013</p> <p>Tư vấn chào bán riêng lẻ</p>  <p>Công ty Cổ phần Xi mang Hà Tiên 1</p>	<p>US\$3.7mn 2013</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng</p>  <p>Bình Diên Công ty Phan Bôn</p>	<p>Bao mặt 2012</p> <p>Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ</p>  <p>Giấy Sài Gòn Công ty Cổ phần</p>	<p>US\$10mn 2012</p> <p>Tư vấn phát hành cho đội tác chiến lược</p>  <p>Thiết bị Y tế Việt Nhật Công ty Cổ phần</p>	<p>US\$<10mn 2012</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Phát triển Nhà đất COTEC CTCP Đầu tư và</p>	<p>US\$50mn 2011</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Ngân hàng Gia Dinh</p>	<p>US\$<10mn 2011</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Xây lắp I - Petrolimex Công ty Cổ phần</p>	<p>US\$<10mn 2011</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Tổng công ty XD Thủy Lợi 4</p>	<p>US\$<10mn 2011</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Long Hậu Công ty Cổ phần</p>	<p>US\$88mn 2011</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Sữa Vinamilk Công ty Cổ phần</p>	<p>US\$50mn 2011</p> <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p>  <p>Hàng tiêu dùng Masan Công ty Cổ phần</p>
---	--	--	---	---	---	---	---	--	--	---	---	--	---	--	---	---	---

- Hoạt động đầu tư chứng khoán**
- VCSC thực hiện đầu tư vào các khách hàng từ văn của VCSC giúp tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.
 - Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng, chuẩn bị niềm yết.
 - Từ khi thành lập, VCSC luôn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty tốt và triển vọng trong những ngành nghề khai thác được tiềm năng của thị trường Việt Nam với quy mô dân số hơn 90 triệu người.
 - Với vị trí dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư, VCSC có thể phối hợp chặt chẽ với các khách hàng từ văn và có nhiều cơ hội để tham gia đầu tư tạo giá trị.
 - Năm 2021 VCSC ghi nhận doanh thu mảng đầu tư đạt 1.958 tỷ đồng, tăng 132% so với năm 2020.
- Dịch vụ môi giới chứng khoán**
- Môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài ("Institutional Sales and Brokerage", "ISB"): VCSC** dẫn đầu thị phần trong mảng môi giới khách hàng nước ngoài.
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cung cấp đầy đủ các dịch vụ môi giới và giao dịch bao gồm:
 - ✓ Môi giới cổ phiếu và trái phiếu
 - ✓ Giao dịch lớn
 - ✓ Tư vấn đầu tư và thoả vốn
 - ✓ Lưu ký
 - ✓ Tiếp xúc doanh nghiệp
 - ✓ Hỗ trợ DMA, STP và FIX
 - Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức hiện nay gồm một đội ngũ nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, tư vấn đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ phận ISB được hỗ trợ bởi một đội ngũ phân tích thị trường, phụ trách bảo cáo các doanh nghiệp, báo cáo ngành, báo cáo chiến lược...
 - Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức là đơn vị đầu môi tổ chức sự kiện "Vietnam Access Day" – VAD – một hội nghị thường niên uy tín thu hút đông đảo các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế với số lượng tham dự lên đến 500 đơn vị. Ngoài ra, bộ phận ISB còn là trung gian kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước với nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyên tham doanh nghiệp hoặc tổ chức các chuyên giới thiệu doanh nghiệp Việt Nam (non-deal roadshow) tại thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hongkong, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan...
 - Bộ phận ISB của VCSC được bình chọn là "Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam" bởi Alpha Southeast Asia năm 2014 và "Nhà môi giới tốt nhất" bởi Finance Asia năm 2017.
 - Với lợi thế từ hoạt động tư vấn tại chính, M&A, bộ phận ISB có điều kiện tiếp cận, làm việc trực tiếp với nhiều doanh nghiệp tốt, có uy tín, thương hiệu trên thị trường. Từ đó, ISB có thể giới thiệu các cơ hội đầu tư tốt cho các khách hàng hiện hữu.

Năm 2021 thị trường chứng khoán Việt Nam mà đại diện là VN-Index vẫn khép lại năm 2021 với 1498,28 điểm, tăng 36% trong vòng 1 năm. Giá trị giao dịch cũng không ngừng tăng cao đạt giá trị

Nguồn: HSX, VCSC



Hình 4: Thị phần môi giới tổng thể của VCSC tại HSX

- Năm 2021 hoạt động môi giới khách hàng của nhân viên chiếm 60% tổng doanh thu từ mảng môi giới chứng khoán của VCSC.
- VCSC hướng đến khách hàng có doanh số cao, mục đích đầu tư ổn định và lâu dài. Theo số liệu của HSX, năm 2021 VCSC tiếp tục củng cố thị phần môi giới trong Top 5 dịch vụ của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chi phối trong toàn bộ giá trị giao dịch trên thị trường. Số lượng khách hàng cá nhân của VCSC ngày càng tăng trong các năm qua, và với tỷ lệ giao dịch bảo đảm tính nhanh chóng, thuận lợi và bảo mật thông tin.
- Bộ phận môi giới trong nước không ngừng cải tiến các phương thức giao dịch, trong đó phải kể đến các phương thức trực tuyến như V-Pro, V-Web, V-Mobile; hỗ trợ DMA và STP...
- Bộ phận môi giới trong nước có khả năng tư vấn sâu sắc và toàn diện từ bộ phận nghiên cứu phân tích, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định đúng đắn và hiệu quả.
- Bộ phận môi giới trong nước phục vụ khách hàng cá nhân trong nước với đầy đủ các dịch vụ môi giới và hiện có hơn 50.000 tài khoản đang hoạt động. Các dịch vụ bao gồm môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ kỹ quỹ... với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường và tận tâm với khách hàng. Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của
- Bộ phận môi giới tại HSX ("LB"): VCSC đang giữ vị trí top 5 thị phần môi giới tại HSX.
- Năm 2021 hoạt động ISB chiếm khoảng 40% tổng doanh thu từ mảng môi giới chứng khoán của VCSC.

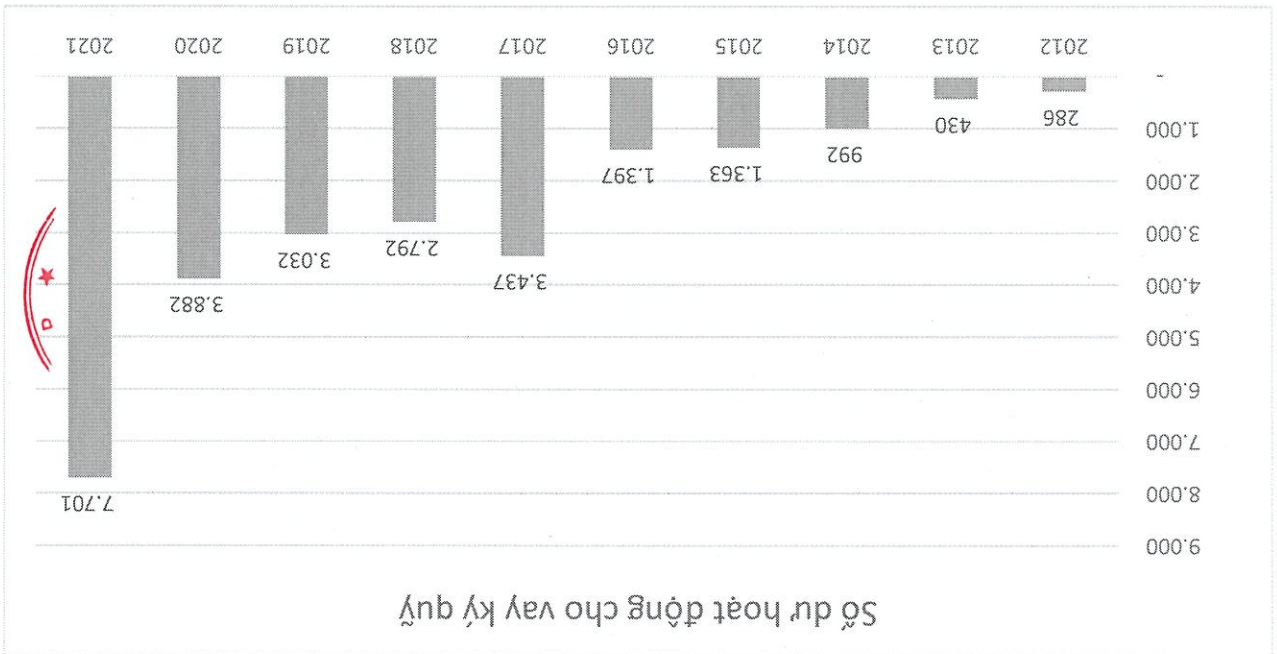
Chi tiêu (tỷ đồng)	2019	% Doanh thu	2020	% Doanh thu	Tăng / Giảm (%)	2021	% Doanh thu
Ngân hàng đầu tư	112	7,2%	102	5,88%	(8,93%)	216	5,79%
Bầu tư chứng khoán	407	26,2%	514	29,61%	26,29%	1.091	29,23%

2021

Bảng 5: Tổng lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực kinh doanh chính năm 2019, 2020 và năm 2021

b. Lợi nhuận trước thuế

Nguồn: VCSC



Đơn vị: tỷ đồng

Hình 5: Số dư hoạt động cho vay kỳ quý 2012-2021

Tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu vào cuối năm 2021 chỉ là 154,3%, thấp hơn đáng kể so với giới hạn theo quy định là 300%.
 thu mạng này 600 tỷ đồng (tăng 96% so với năm 2020).

Cùng với sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán năm 2021, dư nợ cho vay kỳ quý của VCSC cuối năm 2021 đạt 7.701 tỷ đồng, tăng 98% so với cuối năm 2020. Năm 2021 VCSC ghi nhận doanh

Hoạt động giao dịch kỳ quỹ ("Margin lending")

khảo 91% so với năm 2020.
 Theo số liệu của HSX, VCSC tiếp tục củng cố thị phần môi giới trong Top 5 trên HSX với 4,87% thị phần, giảm 2,82% so với năm 2020. Tuy nhiên doanh thu môi giới năm 2021 đạt 838 tỷ đồng, tăng so và tăng hơn 47% so với cuối năm trước.

giao dịch bình quân hơn 25.960 tỷ đồng/phiên, tăng 250% so với năm trước. Số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới đạt hơn 1,3 triệu tài khoản, và hơn 4.000 tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài mở mới, nâng tổng số tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên 4 triệu, xấp xỉ 4% dân

Chi tiêu (trillion đồng)	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	45.803	67.713	99.507
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	6.787	24.549	54.190
Thuế thu nhập cá nhân	1.159	1.585	3.934

Bảng 7: Số dư thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

3.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm. Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

3.1 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

3. Tình hình tài chính

Chi tiêu (trillion đồng)	2019	2020	Tăng / Giảm (%)	2021	Tăng / Giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	7.242.960	8.382.405	15,73%	16.636.264	98,47%
Doanh thu hoạt động	1.540.944	1.729.592	12,24%	3.707.068	114,33%
Kết quả hoạt động	854.990	950.418	11,16%	1.850.853	94,74%
Lợi nhuận trước thuế	855.007	951.039	11,23%	1.850.585	94,59%
Lợi nhuận sau thuế	693.181	768.912	10,93%	1.498.718	94,91%

Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 của VCSC đạt 1.850 tỷ đồng, tăng 94,5% so với năm 2020. Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu hoạt động luôn đạt mức khoảng 50% trong năm 2018 - 2021.

Chi tiêu (tỷ đồng)	2019	% Doanh thu	2020	% Doanh thu	Tăng / Giảm (%)	2021	% Doanh thu
Dịch vụ môi giới chứng khoán	132	8,5%	185	10,66%	40,15%	304	8,14%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	204	13,2%	150	8,64%	(26,47%)	239	6,40%
Tổng cộng	855	55,1%	951	54,78%	11,23%	1.851	49,58%

Kh khoản vay	Số dư tại 31/12/2021	Thông tin về khoản vay
(i) Vay ngân hàng trong nước	500.000	Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 1.000 tỷ đồng có hiệu lực đến 09/04/2022, bao gồm hạn mức tín chấp là 800 tỷ đồng và hạn mức cho vay có tài sản đảm bảo là 200 tỷ đồng.
(ii) Vay ngân hàng trong nước	300.000	Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức là 300 tỷ đồng, có hiệu lực 1 năm và được tái tục hàng năm
(iii) Vay ngân hàng trong nước	500.000	Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn

Đơn vị: triệu đồng

Bảng 9: Chi tiết các khoản vay ngân hàng

Tính đến 31/12/2021, số dư trái phiếu phát hành ngân hàng của Công ty là 1.964,07 tỷ đồng. Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 đồng Việt Nam và kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu thỏa thuận.

Công ty không có khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng được trình bày chi tiết ở bảng dưới đây.

Chi tiêu (trệu đồng)	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Kh khoản vay ngắn hạn	2.532.550	3.364.450	8.326.750
Vay ngắn hạn	1.450.980	2.696.130	6.362.680
Trái phiếu phát hành ngân hàng	1.081.570	668.320	1.964.070
Kh khoản vay dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	2.532.550	3.364.450	8.326.750

Bảng 8: Số dư các khoản vay ngân hàng và dài hạn

Dưới đây là số dư các khoản vay ngân hàng và dài hạn tại 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021:

3.3 Tổng dư nợ vay

Chi tiêu (trệu đồng)	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng cộng	55.820	95.855	157.630
Thẻ giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.071	2.009	-

Các khoản phải thu ngắn hạn			395,927	259,391	285,207
Chỉ tiêu (triệu đồng)			31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021

Bảng 10: Các khoản phải thu của Công ty

3.4 Tình hình công nợ hiện nay
a. Các khoản phải thu

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

Thông tin về khoản vay	Số dư tại 31/12/2021	Đơn vị: triệu đồng
<p>(iv) Vay ngân hàng trong nước</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 1.000 tỷ đồng có hiệu lực đến 25/02/2022</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 1.100 tỷ đồng, bao gồm hạn mức tin chấp là 900 tỷ đồng và hạn mức cho vay có tài sản đảm bảo là 200 tỷ đồng và được tái tục hàng năm</p>	1.000.000	429.000
<p>(v) Vay ngân hàng trong nước</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 1.000 tỷ đồng có hiệu lực đến 31/03/2022</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 300 tỷ đồng có hiệu lực đến 17/06/2022</p>	100.000	138.300
<p>(vi) Vay ngân hàng trong nước</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 500 tỷ đồng có hiệu lực đến 31/03/2022</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 300 tỷ đồng có hiệu lực đến 17/06/2022</p>	100.000	114.400
<p>(vii) Vay ngân hàng trong nước</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 600 tỷ đồng có hiệu lực 1 năm và được tái tục hàng năm</p>	100.000	920.980
<p>(viii) Vay ngân hàng nước ngoài</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng nước ngoài với hạn mức 500 tỷ đồng có hiệu lực 1 năm và được tái tục hàng năm</p>	100.000	2.260.000
<p>(ix) Vay ngân hàng nước ngoài</p> <p>Đây là khoản vay từ ngân hàng nước ngoài với hạn mức 500 tỷ đồng có hiệu lực 1 năm và được tái tục hàng năm</p>	100.000	2.260.000
<p>(x) Vay hợp vốn ngân hàng nước ngoài</p> <p>Đây là khoản vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài với hạn mức tin dùng là 100-150 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 3 năm</p>	920.980	2.260.000
<p>(xi) Vay hợp vốn ngân hàng nước ngoài</p> <p>Đây là khoản vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài với hạn mức tin dùng là 100-150 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 1 năm</p>	2.260.000	2.260.000
Tổng cộng	6.362.680	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, 2020 và 2021

	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019	Chỉ tiêu (triệu đồng)
Nợ phải trả ngắn hạn	9.615.482	3.733.857	3.089.095	
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	6.362.680	2.696.130	1.450.980	
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	1.964.070	668.320	1.081.570	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	79.582	18.874	5.114	
Phải trả người bán ngắn hạn	587.193	100.113	12.209	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	52.551	7.971	210	
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	157.629	95.855	55.820	
Phải trả người lao động	326.846	89.087	106.863	
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	140	-	-	
Chi phí phải trả ngắn hạn	72.911	29.821	62.461	
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	11.878	27.685	313.867	
Quy khem thường phúc lợi	-	-	-	
Nợ phải trả dài hạn	478.919	127.061	102.259	
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	-	-	-	
Quy bảo vệ nhà đầu tư	-	-	-	
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	478.919	127.061	102.259	
Tổng cộng	10.094.402	3.860.919	3.191.354	

Bảng 11: Các khoản phải trả của Công ty

b. Các khoản phải trả

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, 2020 và 2021

	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019	Chỉ tiêu (triệu đồng)
Các khoản phải thu	236.147	221.799	44.767	
Trả trước cho người bán	20.165	18.748	282.144	
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	30.823	14.833	7.681	
Phải thu khác	-	5.939	63.260	
Dự phòng các khoản phải thu	(1.928)	(1.928)	(1.925)	
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
Tổng cộng	285.207	259.391	395.927	

3.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Chỉ tiêu về an toàn tài chính

Bảng 12: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2019, 2020 và năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Giá trị vốn khả dụng	3.525.587	4.353.081	6.305.155
Tổng giá trị rủi ro thị trường (1)	403.665	604.397	1.137.173
Tổng giá trị rủi ro thanh toán (2)	16.692	17.348	59.971
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (3)	171.033	193.608	377.637
Tổng giá trị rủi ro (4) = (1+2+3)	591.390	815.353	1.574.780
Tỷ lệ vốn khả dụng	596%	534%	400%
Giá trị vốn khả dụng / Tổng giá trị rủi ro			

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính tại 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021

Theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. VCSG luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
----------	------------	------------	------------

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn

TSLEB / Nợ ngắn hạn

2,27 2,22 1,72

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản

44,0% 46,1% 60,7%

Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu

78,7% 85,4% 154,3%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động

44,9% 44,6% 40,4%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu

18,0% 17,0% 22,9%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản

10,1% 9,2% 9,0%

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động

55,5% 55,0% 49,9%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, 2020 và 2021

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của VCSC lớn hơn 1 (2,27x năm 2019, 2,22x năm 2020 và 1,72x năm 2021) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 78,7% trong năm 2019 lên 154,3% năm 2021 thấp hơn so với mức giới hạn 300% áp dụng cho công ty chứng khoán.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động trong năm 2021 đều đạt kết quả tốt. Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu luôn đạt trên 17% là mức sinh lời cao so với các công ty trong ngành.

- Trong giai đoạn ban đầu, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp lựa chọn Black Scholes Merton để tính toán quyền cơ đảm bảo. Sau khi áp dụng phần mềm tính toán tự động, chúng tôi

Tên chứng quyền:	Chứng quyền FPT/VCSC/M/AU/T/AS
Tên chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần FPT
Mã chứng khoán cơ sở:	FPT
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần FPT
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng Việt Nam
Thời hạn:	06 tháng
Ngày đảo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Hệ số nhân:	Không có
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liên tục ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Tài sản bảo đảm thanh toán	Tài sản bảo đảm thanh toán Kỳ quy Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Tổng số lượng chứng quyền dự kiến chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Giá chào bán dự kiến:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Ngày giao dịch theo kế hoạch:	Nhưng ngày mà cả Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội dự kiến mở cửa giao dịch.
Sự kiện gián đoạn bổ sung:	Thay đổi luật pháp, nộp đơn phá sản, ngân hàng rủi ro, tăng chi phí bảo đảm, sự kiện tiền tệ, công ty cơ sở nợ.
Thời gian định giá:	Thời gian đóng cửa theo lịch biểu của giao dịch có liên quan đến chứng khoán cơ sở.
Phương pháp tính giá chào bán:	Black Scholes Merton

1. Thông tin chung về chứng quyền

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CƠ BẢO ĐẢM

- Các tính toán mô hình được trình bày chi tiết dưới đây:
 - ✓ Giá định về tình hình thị trường
 - R - giá định lại suất kép liên tục
 - D - Giá định lợi suất cố tức kép liên tục
 - P - Giá của chứng khoán cơ sở
 - ✓ Giá định mô hình
 - Si - Sigma hoặc biến động
 - ✓ Giá định hợp đồng
 - K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm
 - T - Thời gian đáo hạn (năm)
 - C - Tỷ lệ chuyển đổi
 - ✓ Công thức tính
- (1) $F = \exp((R-Q) * T)$; F là giá tương lai
- (2) $d1 = (\ln(F / K) + 0,5 (S^2) / (S^2 * T)) / (S^2 * T)$ (0,5)
- (3) $d2 = (\ln(F / K) - 0,5 (S^2) / (S^2 * T)) / (S^2 * T)$ (0,5)
- (4) $N(d1) = \text{NORMDIST}(d1, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d1
- (5) $N(d2) = \text{NORMDIST}(d2, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện.
- (6) $N(-d1) = 1 - N(d1)$
- (7) $n(d1) = \text{NORM.S.DIST}(d1, \text{FALSE})$; Mật độ xác suất của tiêu chuẩn
- Giá quyền mua chứng quyền có bảo đảm = $(\exp(-R * T)) * (F * N(d1) - K * N(d2))$
- Delta Quyền Mua = $(\exp(-Q * T)) * N(d1)$
- Vega = $P (\exp(-Q * T)) * (n(d1) * (T \sqrt{0.5}))$
- Gamma = $(\exp(-Q * T)) / (P * S^2 * (T \sqrt{0.5}))$
- Trong đó, Delta là tỷ lệ thay đổi giá CW so với giá chứng khoán cơ sở
- Gamma là tỷ lệ thay đổi của Delta so với thay đổi giá của CW
- Vega là tỷ lệ thay đổi giá trị của danh mục đầu tư theo mức biến động của chứng khoán cơ sở

¹ Vui lòng xem thêm thông tin tại <http://www.fpt.com.vn>

Mã chứng khoán: FPT

FPT

Website:

<http://www.fpt.com.vn>

Fax:

(024) 3768 7410

Điện thoại:

+84-(024)-7300 7300

Trụ sở chính:

Số 10, phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Logo:



Tên công ty:

Công ty Cổ phần FPT (FPT)

a. Thông tin chung ¹

2.2 Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

- Giá giao dịch cao nhất trong năm: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Giá giao dịch thấp nhất trong năm: 49.910 đồng/cổ phiếu
- Giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu năm: 51.270 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối năm: 93.000 đồng/cổ phiếu

31/12/2021

b. Tình hình biến động giá (đã điều chỉnh) trong năm gần nhất từ ngày 01/01/2021 đến

Chi số giá/thu nhập hiện tại (P/E):

24,14 lần

Khối lượng bình quân giao dịch 10 ngày:

4.024.840 cổ phiếu

Giá trị vốn hóa (tài ngày 29/04/2022):

95.292,92 tỷ đồng

Mã chứng khoán cơ sở

FPT

Tên chứng khoán cơ sở:

Công ty Cổ phần FPT

a. Thông tin chung

2.1 Chứng khoán cơ sở

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Độ biến động của chứng khoán cơ sở:

20% - 50% (Độ lệch chuẩn giá chứng khoán cơ sở trong năm 2020 chuẩn hóa theo năm).

Lãi suất:

Không áp dụng

Các thông tin cụ thể về giá chứng khoán cơ sở:

(Xem thông tin chi tiết phần VI.2)

Đăng ký mua trực tiếp tại TCPH thực hiện chứng quyền. Trình tự đăng ký như sau:

4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền

thông báo của VCSC.

Đối tượng nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Thời gian phân phối cụ thể sẽ theo

Dự kiến trong vòng 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực.

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và 2021

Chỉ số tài chính	2019	2020	2021
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	16,6%	17,4%	17,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần từ HĐKD / Doanh thu thuần	38,6%	39,6%	38,4%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	11,7%	10,6%	10,0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	23,3%	23,8%	25,0%

Bảng 15: Các chỉ số tài chính chủ yếu năm 2019, 2020 và 2021

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và 2021

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	33.394	41.734	53.698	28,7%
Vốn chủ sở hữu	16.799	18.606	21.418	15,1%
Doanh thu thuần	27.717	29.830	35.657	19,5%
Lợi nhuận gộp	10.712	11.814	13.700	16,0%
Lợi nhuận thuần HĐKD	4.610	5.191	6.226	19,9%
Lợi nhuận trước thuế	4.665	5.263	6.335	20,4%
Lợi nhuận sau thuế	3.912	4.424	5.349	20,9%

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 14: Kết quả kinh doanh

b. Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Ngày niêm yết tại HSX	13/12/2006
Sàn giao dịch:	HOSE
Nhóm ngành:	Bán lẻ

- (1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:
- Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc từ năm kể từ ngày đăng ký cuối cùng là ngày đảo hạn chứng quyền.
 - Ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đảo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đảo hạn chứng quyền.
 - (2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSD chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
 - (3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lại.
 - (4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSD lập và gửi cho HSX và các thành viên thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
 - (5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
 - (6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng quyền trong Danh sách do VSD cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSD Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 15h30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày

5.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

5. Thực hiện chứng quyền

- Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
- **Bước 5:** TCPH thực hiện các thủ tục niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Sau khi được cấp Quyết định niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch trên hệ thống của Sở Giao dịch chứng khoán.
 - **Bước 4:** TCPH thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký chứng quyền. Sau khi được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện lưu ký chứng quyền vào tài khoản chứng khoán.
 - **Bước 3:** TCPH phân bổ chứng quyền cho nhà đầu tư đăng ký, trong trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua lớn hơn số lượng chứng quyền chào bán thì chứng quyền sẽ được phân phối theo nguyên tắc tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.
 - **Bước 2:** Nhà đầu tư đến các chi nhánh của TCPH để đăng ký số lượng chứng quyền cần mua và thực hiện thanh toán theo Thông báo của TCPH. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:
 - **Bước 1:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành công bố bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và của tổ chức phát hành theo pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Số tài khoản: 119.10.0004.66262 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm:

5.3 Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Không có

5.2 Trường hợp chuyển giao chứng khoán cơ sở

- tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đảo hạn.
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được
 - Sở tiền thanh toán rỗng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
 - Sở tiền thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng [(Giá thanh toán – Giá thực hiện)/Tỷ lệ chuyển đổi].
 - Sở tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền danh sách thực hiện chứng quyền.
- bản của TCPH, VSD gửi thông báo cho SGDCK và các thành viên về việc hủy đợt chốt người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn (12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho ký trong ngày thanh toán.
- thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày (11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản kỹ, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.
- tiền. Căn cứ vào công văn của tổ chức phát hành, VSD sẽ thông báo cho thành viên lưu ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do chậm chuyển VSD. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của (10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền nhân việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
- VSD gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác (9) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, lý do.
- thuyền thông tin trong danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ (8) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSD chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp hợp người sở hữu chứng quyền.
- (7) Vào ngày làm việc thứ hai sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi TCPH danh sách tổng tài khoản trực tiếp.
- cung cấp lại danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSD điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSD sẽ tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSD văn bản trong đó nêu rõ các thông sách. Trường hợp chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh

- ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
 - ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

7.2 Cách thực xác định mức độ điều chỉnh

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu, thưởng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu mới, chia tách cổ phiếu...

7.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

7. Điều chỉnh chứng quyền

- Mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.
 - Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liên tục hủy hủy niêm yết cổ phiếu, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.
- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thực xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết cổ phiếu.
 - Trong vòng 05 ngày kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liên tục hủy hủy niêm yết cổ phiếu, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sắp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc và xác định chỉ số; hoặc do toàn được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liên kế trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
 - Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sắp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc và xác định chỉ số; hoặc do toàn được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liên kế trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

6.2 Các trường hợp khác

Người sở hữu chứng quyền mua được quyền nhân khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

6.1 Quyền của người sở hữu chứng quyền mua

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký

Doanh nghiệp có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm thì khoản thu nhập này phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Đổi với doanh nghiệp trong nước:

b) Về thuế TNDN:

Tại thời điểm thực hiện quyền giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần.

Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:)) cho Tỷ lệ chuyển đổi)

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

ngày hủy niêm yết có hiệu lực)

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau nhân (x) số lượng chứng quyền) (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm được tính như sau:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Trường hợp trước ngày đảo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

Thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Trường hợp trước ngày đảo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

a) Về thuế TNCN:

có bảo đảm như sau:

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền

8.2 Biểu thuế

- Phí lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam: 0,3 đồng/chứng quyền/tháng.
- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,02% trên giá trị giao dịch.
- Phí môi giới tài Công ty.
- Phí mua.
- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền x Số lượng chứng quyền đang

8.1 Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân,
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, TCPH sẽ thực hiện điều chỉnh.

- Trong các trường hợp sau, VCSC không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:
 - Đợt khớp lệnh định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định giá xác định giá mở cửa thị trường và đợt khớp lệnh định giá đóng cửa;
 - Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
 - Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của VCSC nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
 - Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số tối thiểu 100 chứng quyền, VCSC được miễn đặt lệnh bán;
 - Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp VCSC chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), VCSC được miễn đặt lệnh mua;
 - Trường hợp thực hiện hủy lệnh chứng quyền, VCSC được miễn đặt lệnh bán;

9.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

- ✓ Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.
- ✓ Yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- ✓ Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- ✓ Gia đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- ✓ Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:
 - ✓ Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt qua 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
 - ✓ Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
 - ✓ Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
 - ✓ Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt qua 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
- VCSC tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau xảy ra:

9.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, VCSC có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

c) Về thuế GTGT:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN tại công văn 1468.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn công ty, môi trường phòng, nhân viên của từng Phòng/ Ban đều có trách nhiệm trong
- ✓ Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- ✓ Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của BOM;
- ✓ Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
- ✓ Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty
- ✓ Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát;
- Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:
 - ✓ Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm
 - ✓ Xư lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện;
 - ✓ Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chung quyền của tổ chức phát hành;
- Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm mục tiêu:
 - ✓ VCSC xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất với một bộ quy trình quản trị rủi ro.

1.1 Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của VCSC

1. Quy trình quản trị rủi ro

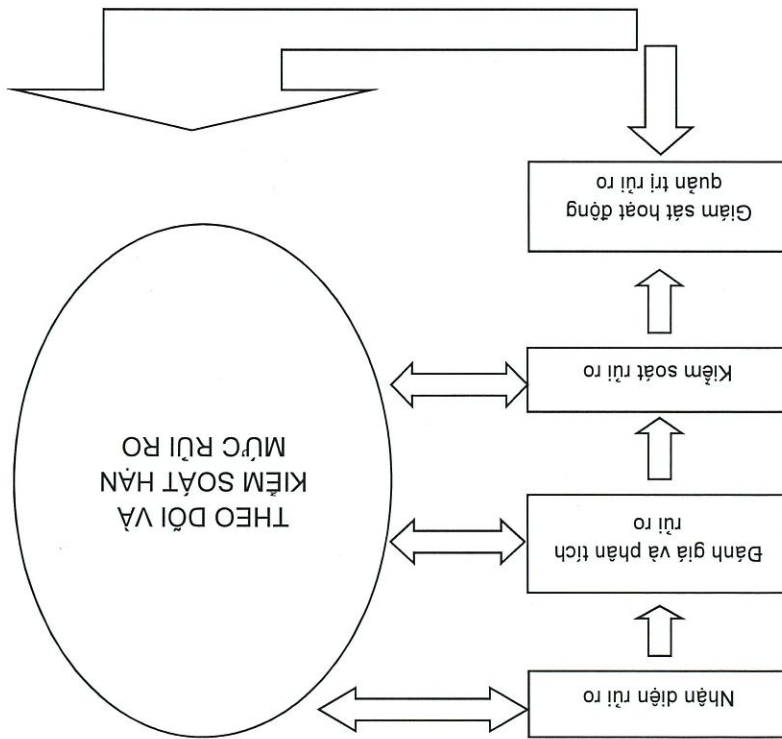
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng quyền mua; VCSC được miễn đặt lệnh bán;
- Chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kích sàn (dư bán sàn), VCSC được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kích trần (dư mua trần), VCSC được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng quyền tăng kích trần (dư mua trần), VCSC được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kích sàn (dư bán sàn), VCSC được miễn đặt lệnh mua;

- hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.
- Hệ thống quản trị rủi ro thực đầy đủ hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, danh giá năng lực mỗi nhân viên.
- Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, VCSC tách biệt vận hành quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống
- b. Quy trình quản trị rủi ro**
- Hàng năm, VCSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty, Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - Hạn mức rủi ro được phân bổ và quản lý theo phương thức từ trên xuống cho từng bộ phận hoặc từng đối tác, giao dịch.
 - Trong hoạt động phát hành chứng quyền, VCSC thiết lập một hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền của VCSC, Đồng thời, xây dựng phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho từng chứng quyền.
 - Hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Quản lý rủi ro, phòng Phân tích và phòng Kế toán tính toán, thiết lập dựa trên sự phân bổ các nguồn vốn, các yếu tố về rủi ro trong yêu và khả năng chấp nhận rủi ro tối đa của VCSC.
 - Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền do phòng Kế toán xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng Chứng quyền dựa trên việc cân đối, tính toán các nguồn vốn hay tài sản để đảm bảo cho việc thanh toán thực hiện chứng quyền.
 - Phương án PNR cho từng Chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Phân tích và Phòng Quản trị rủi ro phối hợp xây dựng dựa trên việc tính toán số lượng chứng khoán cơ sở đủ để đảm bảo việc phòng ngừa rủi ro cho hoạt động PHCQ.
- c. Mô hình quản trị rủi ro**
- Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cần bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.
 - Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp, Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp.
 - Quy trình quản trị rủi ro được vận hành cho toàn bộ Công ty và cho từng hoạt động kinh doanh của VCSC được khai quát theo mô hình dưới đây:

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi tổ chức phát hành không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như tổ chức phát hành chứng quyền bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
 - **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
 - **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi tổ chức phát hành vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
 - **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi chứng khoán cơ sở của Chứng quyền không giao dịch hoặc giao dịch với khối lượng rất thấp khiến cho NĐT không thể đóng trạng thái giao dịch đủ nhanh để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại.
 - ✓ Đối với hoạt động PHQC của VCSC, những rủi ro chính gồm những không giới hạn:
 - ✓ Các yếu tố tác động bên ngoài là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán như lỗi hệ thống giao dịch chung, diễn biến giá chứng khoán cơ sở, thay đổi các chính sách, luật và quy định liên quan đến thị trường chứng khoán và tiền tệ.
 - ✓ Các yếu tố tác động bên trong có thể là những hiện tượng, hành vi vi phạm tuân thủ các quy định của pháp luật, của VCSC hoặc những lỗi do hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống kế toán, bộ phận nghiệp vụ...
 - ✓ Quá trình nhận diện rủi ro là việc phát hiện và liệt kê tất cả các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

▪ Bước 1: Nhận diện rủi ro



Hình 6: Mô hình quản trị rủi ro

- ✓ Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro.
 - ✓ Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro.
 - ✓ Tiên hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách, hạn mức rủi ro.
 - Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Tiêu ban Quản trị rủi ro hoặc cử thành viên phụ trách để hỗ trợ các vai trò của Hội đồng quản trị.
- a. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị:**

1.2 Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

- ✓ Định kỳ, Phòng quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo BOM.
- Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro
 - ✓ Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhân diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể cần được báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động sửa chữa phù hợp.
 - ✓ Chẳng hạn, sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, Phòng quản trị rủi ro và phòng ban liên quan cần phải hợp để tính toán và đưa ra các mức cảnh báo hoặc các tham số mục tiêu, từ đó đưa ra các phương án cũng như chiến lược để phòng ngừa rủi ro nhằm kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung quyền của công ty.
- Bước 3: Kiểm soát rủi ro
 - ✓ Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp công ty xây dựng chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giám nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.
 - ✓ Quá trình phân tích và đánh giá rủi ro giúp cho việc xác định được rủi ro trọng yếu ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty, từ đó xây dựng các phương pháp xử lý tập trung chủ yếu vào một hoặc một vài rủi ro trọng yếu.
 - ✓ Dựa vào đánh giá và phân tích mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro, phòng Quản trị rủi ro xây dựng ma trận rủi ro gồm 5 cấp độ rủi ro tương ứng với mức độ ảnh hưởng: rất thấp, thấp, trung bình, cao và rất cao.
 - ✓ Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, Phòng Quản trị trong công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động.
- Bước 2: Đánh giá và phân tích rủi ro

- ✓ Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty chứng khoán.
 - ✓ Ra soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
 - ✓ Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
 - ✓ Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
 - ✓ Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiết hại thực tế phát sinh và thiết hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
 - ✓ Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - ✓ Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.
 - ✓ Trường bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.
 - Bộ phận quản trị rủi ro có trách nhiệm:
 - c. **Trách nhiệm của Phòng quản trị rủi ro:**
 - ✓ Bảo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.
 - ✓ Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính.
 - ✓ Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của công ty chứng khoán.
 - ✓ Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiệu quả và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong công ty phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - ✓ Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, tình phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro.
 - ✓ Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro.
 - ✓ Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:
 - ✓ Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - ✓ Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - Tổng Giám đốc có trách nhiệm thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác, việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng bộ phận quản trị rủi ro của Tổng Giám đốc phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- b. **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:**
 - Các biên bản được lập với các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc, bộ phận quản trị rủi ro.

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch kỳ quy của một công ty chứng khoán được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- b. Hạn mức tín dụng và kỳ quy**
- Theo dõi các chính sách, các văn bản pháp luật, văn bản pháp quy của Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định rõ các thay đổi trong chính sách có thể ảnh hưởng, tác động đến hoạt động giao dịch kỳ quy.
 - Các kiện nghi, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
 - ✓ Đề xuất về thay đổi các tiêu chí (nếu có);
 - ✓ Tình hình biến động các chỉ tiêu trong DMCKKQ (giá, thanh khoản của cổ phiếu, các tiêu chí tài chính...);
 - ✓ Các kiện nghi, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
- a. Kiểm soát giao dịch**
- 1.3 Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và kỳ quy**
- Kiểm soát rủi ro hoạt động giao dịch chứng khoán kỳ quy là việc Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với Phòng DVKH thực hiện các biện pháp giám sát, quản lý đối với các phòng nghiệp vụ để kiểm soát các rủi ro đã được phát hiện, cảnh báo, Theo dõi diễn biến thị trường, các chính sách văn bản pháp luật để đề phòng phát sinh rủi ro trong hoạt động giao dịch kỳ quy, Các công việc bao gồm:
 - Theo dõi, giám sát quá trình tác nghiệp GDKQ của từng cá nhân, từng cán bộ trong phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, Phòng giao dịch để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ, phát hiện những hành vi vi phạm các quy trình nghiệp vụ, vi phạm quy định của pháp luật hoặc các hành vi có thể xâm phạm lợi ích của Công ty, lợi ích của khách hàng và phòng tránh các rủi ro khác có thể phát sinh.
 - Theo dõi, giám sát các giao dịch của các phòng nghiệp vụ có liên quan để đảm bảo các giao dịch của các phòng nghiệp vụ không phát sinh các rủi ro, tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ, quyền hạn, hạn mức đã được cấp, các yêu cầu về tính minh bạch, sự an toàn của giao dịch và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
 - Theo dõi diễn biến của thị trường để xác định các rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động GDKQ, Báo cáo Ban lãnh đạo các nội dung liên quan đến hoạt động GDKQ, bao gồm:
 - ✓ Tình hình, kết quả thực hiện mua kỳ quy trong ngày bao gồm Tổng dư nợ cho vay giao dịch mua kỳ quy, tổng mức cho vay GDKQ đối với một khách hàng, tổng dư nợ cho vay GDKQ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán, tổng số chứng khoán cho vay GDKQ;
 - ✓ Đề xuất về thay đổi các tiêu chí (nếu có);
 - ✓ Tình hình biến động các chỉ tiêu trong DMCKKQ (giá, thanh khoản của cổ phiếu, các tiêu chí tài chính...);
 - ✓ Các kiện nghi, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
- d. Vai trò quản trị rủi ro tài các bộ phận nghiệp vụ:**
- Quản trị rủi ro là bộ phận không mang tính tách rời trong hệ thống quản trị của công ty, Các trường phòng/ban có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện tuân thủ, quy định quản trị rủi ro đối với từng hoạt động nghiệp vụ.
 - Các quy trình thuộc bộ phận nghiệp vụ cần có tài liệu các nội dung về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm, các quy định hạn chế rủi ro và các quy tắc đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật.

- Nghiệp vụ đảm bảo (Hedging):
 - ✓ (1) Giá định giá (F) sẽ thay đổi ở tần suất của mỗi lần cập nhật giá
 - ✓ (2) Giá định Sigma (Si) sẽ thay đổi bình thường mỗi ngày, ngoại trừ những thời điểm biến động mạnh trên thị trường
 - ✓ (3) Nghiệp vụ đảm bảo Delta được duy trì hàng ngày từ trường hợp có sự biến động lớn khi một trong hai hoặc cả hai biến pháp này có thể được thực hiện
 - (a) Lấy mẫu lại trong ngày thường xuyên của nghiệp vụ đảm bảo Delta
 - (b) Đảm bảo rủi ro gamma và vega

b. Phương án phòng ngừa rủi ro tổng quát

- Phi chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở
- Phi giao dịch khi mua/bán tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ
 - Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ
 - Chi phí mua/bán tài sản cơ sở cho nhà đầu tư khi chứng quyền được thực hiện
- Mức độ chấp nhận được, Chi phí bỏ ra gồm:
- Đề tổng chi phí bỏ ra trong suốt thời gian từ khi phát hành đến hạn tiền đến gần sát, không được quá chênh lệch khoản phi chứng quyền hợp lý, trong trường hợp nếu có chênh lệch thì chi ở mức độ chấp nhận được.

a. Mục đích phòng ngừa rủi ro

2.2 Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);
 - Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
 - Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

2.1 Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

Không có

1.4 Tổ chức danh giá tin dùng:

- Tổng mức cho vay giao dịch kỳ quỹ của công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng mức cho vay giao dịch kỳ quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.

Mua – if ((giá CKCS hiện tại <= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi) * [giá CKCS hiện tại – giá thực hiện] – Delta * số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi), 0)
Bán – if ((giá CKCS hiện tại >= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá thực hiện – giá CKCS hiện tại] – Delta * số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi), 0)

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐÓT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Tên viết tắt: BIDV

Địa chỉ trụ sở chính: 66 Phố Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0) 28 3821 8812

Website www.bidv.com.vn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tin dùng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Tổng đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hình hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Nhưng nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới".

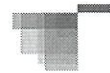
Qua 62 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Hoạt động chính của BIDV là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhân tiền gửi ngân hàng, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngân hàng, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thanh toán giữa các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.



2. Tổ chức kiểm toán**Tên công ty:**

Công Ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

pwc**Tên viết tắt:**

PWC Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính:

Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại:

+84 (0)28 3823 0796

Website

www.pwc.com

PWC Việt Nam thành lập văn phòng tại Hà Nội và TP, HCM năm 1994 với đội ngũ chuyên gia hơn 1000 người Việt Nam và nước ngoài am hiểu sâu sắc môi trường kinh doanh tại Việt Nam. PWC Việt Nam cung cấp các dịch vụ tư vấn về chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn tài chính doanh nghiệp trên cả nước, PWC Việt Nam có một công ty luật được Bộ Tư pháp cấp giấy phép cơ trú sở chính tại TP, HCM và chi nhánh tại Hà Nội.

// Tài chính & Vốn

CÔNG TY TNHH PWC

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào một loạt các hoạt động ngân hàng đầu tư, đầu tư, môi giới và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và / hoặc các CKCS hoặc phát hành hoặc cấp nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và / hoặc CKCS. Các hoạt động, thông tin và / hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và / hoặc các CKCS và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn lợi ích liên quan đến việc phát hành Chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành Chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và / hoặc các CKCS hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư.

VCSC không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐÀM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ ĐANG NIÊM YẾT

- a) Chứng quyền **ACB/VCSC/M/AU/T/A1**
- Tên chứng quyền: **Chứng quyền ACB/VCSC/M/AU/T/A1**
 - Mã chứng quyền: **CACB2103**
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **ACB**
 - Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Ngân hàng TMCP Á Châu**
 - Số lượng chứng quyền đang niêm yết: **3.000.000** chứng quyền
 - Giá thực hiện: **37.000** đồng
 - Tỷ lệ chuyển đổi: **1:1**
 - Thời hạn: **06** tháng
 - Thời gian đáo hạn: **24/05/2022**
- b) Chứng quyền **FPT/VCSC/M/AU/T/A4**
- Tên chứng quyền: **Chứng quyền FPT/VCSC/M/AU/T/A4**
 - Mã chứng quyền: **CFFT2111**
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **FPT**
 - Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Công ty Cổ phần FPT**
 - Số lượng chứng quyền đang niêm yết: **3.000.000** chứng quyền
 - Giá thực hiện: **106.000** đồng
 - Tỷ lệ chuyển đổi: **5:1**
 - Thời hạn: **06** tháng
 - Thời gian đáo hạn: **24/05/2022**
- c) Chứng quyền **HPG/VCSC/M/AU/T/A3**
- Tên chứng quyền: **Chứng quyền HPG/VCSC/M/AU/T/A3**
 - Mã chứng quyền: **CHPG2119**
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **HPG**
 - Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Công ty Cổ phần Hòa Phát**
 - Số lượng chứng quyền đang niêm yết: **3.000.000** chứng quyền
 - Giá thực hiện: **53.000** đồng
 - Tỷ lệ chuyển đổi: **2:1**
 - Thời hạn: **06** tháng
 - Thời gian đáo hạn: **24/05/2022**
- d) Chứng quyền **MSN/VCSC/M/AU/T/A4**
- Tên chứng quyền: **Chứng quyền MSN/VCSC/M/AU/T/A4**
 - Mã chứng quyền: **CMSN2111**
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **MSN**
 - Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**
 - Số lượng chứng quyền đang niêm yết: **3.000.000** chứng quyền

6.	Giá thực hiện: 133.217 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 5,8283:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
e) Chứng quyền MWG/VCS/M/AU/T/A6	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền MWG/VCS/M/AU/T/A6
2.	Mã chứng quyền: CMWG2113
3.	Tên (mã) chứng quyền: MWG
4.	Tên tổ chức phát hành chứng quyền: Công ty Cổ phần Dầu từ Thẻ giới di động
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 154.000 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
f) Chứng quyền PNJ/VCS/M/AU/T/A5	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền PNJ/VCS/M/AU/T/A5
2.	Mã chứng quyền: CPNJ2110
3.	Tên (mã) chứng quyền: PNJ
4.	Tên tổ chức phát hành chứng quyền: Công ty Cổ phần Vàng Bạc đá quý Phú Nhuận
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 111.664 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 4,9408:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
g) Chứng quyền STB/VCS/M/AU/T/A2	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền STB/VCS/M/AU/T/A2
2.	Mã chứng quyền: CSTB2112
3.	Tên (mã) chứng quyền: STB
4.	Tên tổ chức phát hành chứng quyền: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 31.000 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
h) Chứng quyền VIC/VCS/M/AU/T/A2	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền VIC/VCS/M/AU/T/A2
2.	Mã chứng quyền: CVIC2109
3.	Tên (mã) chứng quyền: VIC

4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 102.000 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
- i) Chứng quyền **VNM/VJSC/M/AU/T/A3**
1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền VNM/VJSC/M/AU/T/A3**
2. Mã chứng quyền: CVNM2114
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Sura Việt Nam
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 94.423 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 4,9178:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
- j) Chứng quyền **VRE/VJSC/M/AU/T/A1**
1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền VRE/VJSC/M/AU/T/A1**
2. Mã chứng quyền: CVRE2114
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VRE
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Vincom Retail
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 34.000 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 24/05/2022
- k) Chứng quyền **MBB/VJSC/M/AU/T/A3**
1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền MBB/VJSC/M/AU/T/A3**
2. Mã chứng quyền: CMBB2203
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: MBB
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Quân đội
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 35.500 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 26/09/2022
- l) Chứng quyền **MWG/VJSC/M/AU/T/A7**
1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền MWG/VJSC/M/AU/T/A7**

2.	Mã chứng quyền: CMWG2203
3.	Tên (mã) chứng khoán cơ sở: MWG
4.	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Dầu từ Thẻ giới Di động
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 148.000 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 7:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 26/09/2022
Chứng quyền NVL/CSC/M/AU/T/A1	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền NVL/CSC/M/AU/T/A1
2.	Mã chứng quyền: CNVL2203
3.	Tên (mã) chứng khoán cơ sở: NVL
4.	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu từ Địa ốc No Va
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 92.500 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 26/09/2022
Chứng quyền KDH/CSC/M/AU/T/A2	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền KDH/CSC/M/AU/T/A2
2.	Mã chứng quyền: CKDH2205
3.	Tên (mã) chứng khoán cơ sở: KDH
4.	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Dầu từ Kinh doanh nhà Khang Điền
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 58.000 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1
8.	Thời hạn: 06 tháng
9.	Thời gian đáo hạn: 26/09/2022
Chứng quyền HDB/CSC/M/AU/T/A1	
1.	Tên chứng quyền: Chứng quyền HDB/CSC/M/AU/T/A1
2.	Mã chứng quyền: CHDB2204
3.	Tên (mã) chứng khoán cơ sở: HDB
4.	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
5.	Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
6.	Giá thực hiện: 31.500 đồng
7.	Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1

- 8. Thời hạn: 06 tháng
- 9. Thời gian đảo hạn: 26/09/2022
- p) **Chứng quyền HPG/VCSG/M/Au/T/A4**
 - 1. Tên chứng quyền: Chứng quyền HPG/VCSG/M/Au/T/A4
 - 2. Mã chứng quyền: CHPG2207
 - 3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: HPG
 - 4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
 - 5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
 - 6. Giá thực hiện: 51.500 đồng
 - 7. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1
 - 8. Thời hạn: 06 tháng
 - 9. Thời gian đảo hạn: 26/09/2022
- q) **Chứng quyền VHM/VCSG/M/Au/T/A2**
 - 1. Tên chứng quyền: Chứng quyền VHM/VCSG/M/Au/T/A2
 - 2. Mã chứng quyền: CVHM2206
 - 3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VHM
 - 4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Vinhomes
 - 5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
 - 6. Giá thực hiện: 86.000 đồng
 - 7. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1
 - 8. Thời hạn: 06 tháng
 - 9. Thời gian đảo hạn: 26/09/2022
- r) **Chứng quyền STB/VCSG/M/Au/T/A3**
 - 1. Tên chứng quyền: Chứng quyền STB/VCSG/M/Au/T/A3
 - 2. Mã chứng quyền: CSTB2206
 - 3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB
 - 4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
 - 5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 3.000.000 chứng quyền
 - 6. Giá thực hiện: 37.500 đồng
 - 7. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1
 - 8. Thời hạn: 06 tháng
 - 9. Thời gian đảo hạn: 26/09/2022

XI. CAM KẾT

VCSC cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

ĐOÀN MINH THIÊN

KÊ TOÀN TRƯỞNG

TO HẠI



TỔNG GIÁM ĐỐC

MAI THỊ THANH TRANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tp. HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2022

✓ Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua quyết định chào bán chứng quyền có bảo đảm

XIII. PHỤ LỤC

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

12/12/2022 14:21:21

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Sơn

[Handwritten signature in blue ink]



XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

[Handwritten signature]

11/08/2018 10:00:00 AM

CP

11/08/2018 10:00:00 AM

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 05 năm 2022

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BẢN VIỆT

Về việc: Phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-HĐQT.VCSC dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm ngày 12/09/2017.
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-HĐQT.VCSC và việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm ngày 22/04/2019.
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị vào ngày 04/05/2022 về việc phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc Công Ty Cổ Phần Chứng Khoản Bản Việt ("VCSC" hoặc "Công ty") phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm với nội dung chi tiết sau:

1.1 Thông tin chi tiết về việc phát hành, chào bán và niêm yết mã chứng quyền có bảo đảm tại phụ lục đính kèm văn bản này.

1.2 Quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư sở hữu chứng quyền:

- Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức do VCSC công bố trong bản cáo bạch của từng đợt chào bán.
- Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, vay mượn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Quyền được ưu tiên thanh toán trong trường hợp VCSC bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật cho phép tùy từng thời điểm.



1.3 Thông qua phương án bảo đảm thanh toán cho nhà đầu tư theo mã chứng quyền trong phụ lục đính kèm văn bản này.

Điều 2: Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện và nộp hồ sơ phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại Ủy Ban Chứng Khoán, Sở giao dịch chứng khoán, và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, và lập thành 3 bản gốc có giá trị thực hiện như nhau.

Nơi nhận:
- Lưu HC - NS

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

1/1

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm
 cho chứng khoán cơ sở FPT

Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 5

Tên chứng quyền: Chứng quyền FPT/VCSC/M/AU/TA5

Tên (mã) chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần FPT (FPT)

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần FPT

Loại chứng quyền (mua/bán): Mua

Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): Châu Âu

Phương thức thực hiện chứng quyền: Tiền mặt – đồng

Thời hạn: 6 tháng

Ngày phát hành dự kiến: Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Ngày đảo hạn: Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành

Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)

Giá thực hiện: Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.
 Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

Giá chào bán: Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng

Tổng số lượng chào bán: 4.000.000 chứng quyền

Tổng giá trị chào bán: Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng

Phương thức phát hành: Phát hành chứng quyền ra công chúng

11/11 B. 10.000 V. 11

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MSN Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 5

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MSN/CSC/M/Au/TA5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	6 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đảo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	8:1 (8 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

1/1 2022 10/1

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở PNJ Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 6

Tên chứng quyền:	Chứng quyền PNJ/VCS/M/AU/T/A6
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	6 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liên trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	tôi thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở POW Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 1

Tên chứng quyền:	Chứng quyền POW/CSC/M/AU/T/A1
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	6 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đảo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

1/1 17 14 11 10

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm
 cho chứng khoán cơ sở TCB

Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 4

Tên chứng quyền: Chứng quyền TCB/VCS/M/AU/T/A4

Tên (mã) chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Loại chứng quyền (mua/bán): Mua

Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): Châu Âu

Phương thức thực hiện chứng quyền: Tiền mặt – đồng

Thời hạn: 6 tháng

Ngày phát hành dự kiến: Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Ngày đáo hạn: Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành

Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)

Giá thực hiện: Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện: Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

Giá chào bán: Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng

Tổng số lượng chào bán: 4.000.000 chứng quyền

Tổng giá trị chào bán: Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng

Phương thức phát hành: Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm

cho chứng khoán cơ sở VIC

Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 3

Tên chứng quyền: Chứng quyền VIC/VSC/M/AU/T/A3

Tên (mã) chứng khoán cơ sở: Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (VIC)

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần

Loại chứng quyền (mua/bán): Mua

Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): Châu Âu

Phương thức thực hiện chứng quyền: Tiền mặt - đồng

Thời hạn: 6 tháng

Ngày phát hành dự kiến: Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Ngày đáo hạn: Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành

Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)

Giá thực hiện: Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện: Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Giá trị tài sản bảo đảm là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

Giá chào bán: Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng

Tổng số lượng chào bán: 4.000.000 chứng quyền

Tổng giá trị chào bán: Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng

Phương thức phát hành: Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VPB

Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 5

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VPB/VCSC/M/AU/T/A5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	6 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liên tục ngay thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	tôi thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VRE Đợt phát hành năm 2022 (Series) - 2

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VRE/VCS/M/Au/TA2
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vincom Retail
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	6 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	4.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 4.000.000.000 đồng đến 32.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

C. P. A.

Đoàn Điều Tu Quỳnh
Phó Giám Đốc Nhân Sự



SAO Y BAN CHÍNH
Ngày: 7 Tháng 5 Năm 2022

NGÂN HÀNG TMCP Đ&PT VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI
NGHĨA
(NGÂN HÀNG LƯU KÝ)

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT
(TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM)

GIỮA

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản kỳ quỹ bảo đảm
thanh toán
Số: 03/2019/TT/BIDVHTH-VCS



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẠC

Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản kỹ quỹ bảo đảm

thanh toán

Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản kỹ quỹ bảo đảm thanh toán ("Hợp Đồng") được ký kết vào ngày 05 tháng 7 năm 2019 bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Giấy phép thành lập số: 68/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 06/11/2007.

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3914 3588

Fax: (028) 3914 3209

Đại diện: Ông Đình Quang Hoàn Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền

(Sau đây gọi tắt là "Bên A" hoặc "..." hoặc "Tổ Chức Phát Hành chứng quyền")

Và

BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP DT&PT VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

Giấy phép HDLK: Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán

Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003

Địa chỉ: 66 Phố Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38218812

Fax: 028 38218813

Đại diện: Phó Giám đốc làm đại diện Chức vụ:

Theo giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV về việc ủy quyền kỹ và tổ chức thực hiện

các hợp đồng, văn bản có liên quan đến hoạt động đại lý lưu ký, ngân hàng giám sát, thanh toán bù trừ và kinh doanh chứng khoán tại Chi nhánh do Người đại diện

theo pháp luật của BIDV ký ngày 27 tháng 11 năm 2018.

(Sau đây gọi tắt là "Bên B" hoặc "BIDV - Nam Kỳ Khởi Nghĩa" hoặc "Ngân hàng lưu ký")

XÉT RÀNG:

(a) Bên A là Công ty Chứng khoán có chức năng phát hành chứng quyền có bảo đảm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, và mong muốn hợp tác một Ngân hàng có chức năng lưu ký, quản lý tài sản kỹ quỹ cho Bên A;

(b) Bên B là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, có giấy phép hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp sẵn sàng hợp tác để cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;



hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

NAY, VI VẬY, Các Bên đồng ý ký kết "Hợp Đồng" này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong phạm vi "Hợp Đồng" này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- "Người Sở Hữu Chứng Quyền" là nhà đầu tư bao gồm các cá nhân, tổ chức sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

- "Tai sản bảo đảm" là tiền gửi hoặc chứng chỉ tiền gửi của Bên A ký quỹ tại Bên B hoặc Thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Bên A hay của bất cứ bên thứ ba khác.

- "Danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền" là danh sách do Tổ chức phát hành chứng quyền gửi cho Ngân hàng lưu ký có đầy đủ thông tin của Người Sở Hữu Chứng Quyền.

- "Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm" là hợp đồng được hai Bên ký kết sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ

a) Mục đích: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán/Bảo lãnh đảm bảo khả năng thanh toán cho từng đợt Phát hành chứng quyền của Bên A.

b) Thời hạn ký quỹ, số tiền ký quỹ và hình thức ký quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa Bên A và Bên B sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

3. PHI DỊCH VỤ

Phi dịch vụ, cách tính và thời hạn thanh toán sẽ được hai Bên quy định cụ thể tại từng Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa hai Bên.

4. CAM KẾT CỦA BÊN A

a) Thực hiện ký quỹ Tài sản đảm bảo để bảo đảm khả năng thanh toán cho từng đợt phát hành chứng quyền theo quy định của pháp luật;

b) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài sản đảm bảo của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để thực hiện nghĩa vụ bảo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;

c) Thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chứng quyền bằng tài sản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền khi Tổ chức phát hành chứng quyền thực hiện sử dụng chính Tài sản bảo đảm để chi trả cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;



e) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng quản lý tài sản ký quy bảo đảm và quy định của pháp luật.

5. CAM KẾT CỦA BÊN B

a) Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời việc quản lý Tài sản bảo đảm cho Bên A khi Bên A có yêu cầu;

b) Bên B thực hiện phong toa/giải toa tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản của Bên A/Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi theo từng thời điểm của Bên A gửi tại Bên B phù hợp với Hợp đồng quản lý tài sản ký quy bảo đảm và quy định của pháp luật;

c) Lưu giữ bản gốc Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi và/hoặc các văn bản có liên quan đến Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi của Bên A;

d) Quản lý tách biệt Tài sản bảo đảm với tài sản khác của Bên A, và các tài sản khác của Bên B;

e) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao giao liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Bên A;

f) Xác nhận báo cáo do Bên A lập có liên quan đến Tài sản bảo đảm;

g) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng quản lý tài sản ký quy bảo đảm và quy định của pháp luật.

6. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai Bên. Trường hợp không thương lượng được, các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

7. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

a) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hai Bên có văn bản được ký

tên, đồng dấu hợp lệ về việc chấm dứt hiệu lực Hợp đồng này.

b) Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được cả hai Bên đồng ý và lập thành văn bản do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký, đồng dấu. Nhưng sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

c) Hợp đồng này được lập làm 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐINH QUANG HOÀN
Phó Tổng Giám Đốc



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

